**CHUYÊN ĐỀ 1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC**

**(Thời lượng: 10 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Thông sử và lịch sử theo lĩnh vực.

- Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể. Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử. Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới. Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá, lịch sử tư tưởng Việt Nam.

- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc giải thích được khái niệm thông sử và nêu được nội dung chính của thông sử. Giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực. Giải thích được đối tượng của lịch sử xã hội, lịch sử kinh tế Việt Nam. Tóm tắt được nét chính của lịch sử văn hoá, lịch sử tư tưởng, lịch sử xã hội, lịch sử kinh tế VN trên trục tg.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trình bày đươc ý kiến của cá nhân và trao đổi với các thành viên khác trong nhóm để làm rõ khái niệm thông sử, lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới, nội dung chính của thông sử, các lĩnh vực của lịch sử, lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.

- Năng lực giải quyết vấn đề thông qua việc giải quyết được các nhiệm vụ học tập mà GV giao và thể hiện được sự sáng tạo.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động học tập.

- Nhân ái: tôn trọng những ý kiến khác biệt, có tinh thần giúp đỡ bạn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: có ý thức thực hiện tốt những nhiệm vụ học tập được phân công, có tinh thần trách nhiệm với tập thể trong quá trình học tập.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.

- Máy tính, tivi**.**

**2. Học sinh:**

- Sách giáo khoa

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

**III. TIẾN TRÌNH DẠY -HỌC:**

**1 .HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**-** Giáo viên cho HS đọc tư liệu và trả lời câu hỏi

Trong phần mở đầu sách Đại Nam Thực Lục các sử quan triều Nguyễn đã viết: *“Bọn thần trộm nghĩ: Nước phải có sử, cốt để làm tin với đời nay mà truyền lại cho đời sau. Từ xưa đế vương nổi dạy, công việc các đời làm ra đều ghi vào sử sách, rõ ràng có thể khảo được. Làm thực lục là gồm cả phép biên niên (ghi năm), kí sự (chép việc), chính sử do đấy mà ra”.*

? Đoạn tư liệu trên đây cho biết điều gì?

**- Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi.

**- Bước 3. Báo cáo kết quả:**

**-** GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**-** GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

**- Bước 4. Nhận xét đánh giá:**

**-** GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC :**

**I. Thông sử và lịch sử theo lĩnh vực.**

**Hoạt động 1. Một số cách trình bày lịch sử truyền thống**

**a. Mục tiêu:**  Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua các ví dụ cụ thể.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi và trả lời câu hỏi sau:  *? Đọc thông tin và quan sát các hình từ 1.1 đến hình 1.5 và những hình ảnh Gv trình chiếu hãy tóm tắt một số cách trình bày lịch sử truyền thống. Lấy ví dụ.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3. Báo cáo kết quả.**  **-** Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi  **-** HSnhận xét, bổ sung kết quả của học sinh.  **Bước 4. Nhận xét đánh giá:**  - GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **+** Lịch sửtruyền thống được trình bày theo hai cách:   * Câu chuyện lịch sử bằng lời kể không có tác giả cụ thể, được truyền miệng từ đời này sang đời khác (vd: sách Lĩnh Nam chích quái). * Tác phẩm lịch sử thành văn là công trình lịch sử được trình bày bằng chữ viết (công trình ghi chép lịch sử, công trình nghiên cứu lịch sử). VD; Đại Việt sử kí toàn thư, Đại Việt thông sử… * Ngoài ra lịch sử còn được trình bày và thể hiện: tiểu thuyết lịch sử, phim, kịch, lễ hội… |

**Hoạt động 2. Thông sử**

**a. Mục tiêu:** Giải thích được khái niệm thông sử và nêu được nội dung chính của thông sử.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm *dự kiến*** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**   * Yêu cầu hs đọc sgk, xem hình ảnh trình chiếu làm rõ vấn đề:   *? Thông sử là gì? ? Nêu nội dung chính của thông sử.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia 4 nhóm tìm hiểu, thảo luận và thống nhất ý kiến.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3. Báo cáo kết quả.**   * Đại diên các nhóm trình bày kết quả. * Các nhóm khác nhận xét.   **Bước 4. Nhận xét, đánh giá.**   * GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, so sánh và kết luận. | **2. Thông sử**  **a. Thông sử là gì?**  - Thông sử là hình thức trình bày lịch sử một cách có hệ thống, toàn diện về các lĩnh vực của đời sống con người trong quá khứ. Về phạm vi, thông sử có thể là lịch sử quốc gia, lịch sử khu vực, lịch sử thế giới.  **b. Nội dung chính của thông sử**  - tập trung vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. |

**Hoạt động 3. Lịch sử theo lĩnh vực**

**a. Mục tiêu:** Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử, giải thích được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**   * Yêu cầu hs đọc sgk, xem hình ảnh trình chiếu làm rõ vấn đề:   *? Hãy nêu khái quát về một số lĩnh vực của lịch sử, Giải thích ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia 4 nhóm tìm hiểu, thảo luận và thống nhất ý kiến.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3. Báo cáo kết quả.**   * Đại diên các nhóm trình bày kết quả. * Các nhóm khác nhận xét.   **Bước 4. Nhận xét, đánh giá.**  GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, so sánh và kết luận. | **3. Lịch sử theo lĩnh vực**  **-** Lịch sử còn được trình bày theo từng lĩnh vực khác nhau như lịch sử chính trị, lịch sử ngoại giao, lịch sử văn hóa, lịch sử tư tưởng, lịch sử kinh tế, lịch sử xã hội.  **-** Biên soạn lịch sử theo lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu chuyên sâu về các lĩnh vực trong quá khứ, giúp bổ sung và làm phong phú thêm tri thức tổng quát về lịch sử. |

**Hoạt động 4. Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới**

**a. Mục tiêu:**  Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc Đọc thông tin và quan sát các hình 1.7,1.8 SGK tr.7  *? Hãy nêu khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia 4 nhóm tìm hiểu, thảo luận và thống nhất ý kiến.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3. Báo cáo kết quả.**   * Đại diên các nhóm trình bày kết quả. * Các nhóm khác nhận xét.   **Bước 4. Nhận xét, đánh giá.**  GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, so sánh và kết luận. | **4. Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới**  **a. Lịch sử dân tộc**  - Lịch sử dân tộc là lịch sử của một cộng đồng quốc gia - dân tộc sinh sống trên một lãnh thổ nhất định và được quản lí bởi một nhà nước thống nhất  -Bao gồm các lĩnh vực như: Chính trị, xã hội, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, giáo dục, nghệ thuật…  **b.Lịch sử thế giới**  - Lịch sử thế giới là lịch sử của toàn nhân loại oặc một số khu vực trên thế giới từ khi con người xuất hiện cho tới nay  - Nội dung thể hiện quá trình vận động của cá lĩnh vực: chính trị quân sự ngoại, giao kinh tế, văn hóa, xã hội…. |

**II. Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam.**

**Hoạt động 5. Lịch sử văn hóa Việt Nam**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hóaViệt Nam.

- Tóm tắt được những nét chính trong tiến trình phát triển của Lịch sử văn hóa Việt Nam

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhómhoàn thành nhiệm vụ:  *Đọc thông tin và quan sát các hình từ 1.9 đến 1.12, hãy:*  *? Nêu đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam?*  *? Tóm tắt nét chính của lịch sử văn hoá Việt Nam trên trục thời gian?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia 4 nhóm tìm hiểu, thảo luận và thống nhất ý kiến.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3. Báo cáo kết quả.**   * Đại diên các nhóm trình bày kết quả. * Các nhóm khác nhận xét.   **Bước 4. Nhận xét, đánh giá.**  GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, so sánh và kết luận. | **1. Lịch sử văn hóa Việt Nam**  **a. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của Lịch sử văn hóa Việt Nam**  - Đối tượng : Là toàn bộ đời sống văn hóa bao gồm các thành tựu giá trị, truyền thống, phong tục tập quán của dân tộc Việt nam trong lịch sử.  - Phạm vi nghiên cứu: Là toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng dân tộc Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay  **b. Khái lược tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam**  - Thời kì nguyên thủy: Người Việt cổ đã từng bước định hình nền văn hoá bản địa, với đặc trưng là văn hoá nông nghiệp trồng lúa nước.  - Thời kì dựng nước :(TK VII TCN- TK II TCN), hình thành ba trung tâm văn hoá: Đông Sơn(Bắc Bộ- Bắc Trung Bộ), Sa Huỳnh (Nam Trung Bộ), Đồng Nai (Nam Bộ).  Trên nền tảng các nền văn hoá đó, nhà nước Văn Lang- Âu Lạc ra đời, định hình bản sắc văn hoá Việt Nam, vương quốc Chămpa và Phù Nam ra đời.  - Thời kì Bắc thuộc(179TCN-938): Người Việt bền bỉ, kiến cường đấu tranh chống đồng hoá, bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc đồng thời tiếp biến sáng tạo văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ để phát triển nền văn hoá của mình thêm phong phú đa dạng.  - Thời kì quân chủ độc lập: trên nền tảng văn hoá bản địa truyền thống được giữ gìn, văn hoá VN tiếp thục phát triển rực rõ với ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo và tìn ngưỡng dân gian. Từ tk XVI, một số yếu tố văn hoá phương tây được du nhập và có xu hướng phát triển.  - Thời kì Pháp thuộc: văn hoá VN có sự tiếp biến văn hoá phương Tây (đặc biệt là văn hoá Pháp)trên nhiều lĩnh vực về văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần, văn hoá xã hội.  - Thời kì hiện đại: Văn hoá VN được định hình trên ba nguyên tắc: dân tộc hoá, đại chúng hoá và khoa học hoá nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Thời kì đổi mới, hội nhập, nền văn hoá VN phát triển theo định hướng tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. |

**Hoạt động 6. Lịch sử tư tưởng Việt Nam**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởngViệt Nam.

- Tóm tắt được những nét chính trong tiến trình phát triển của Lịch sử Tư tưởng Việt Nam

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhómhoàn thành nhiệm vụ:  *Đọc thông tin và quan sát các hình từ 1.13 đến 1.16, hãy:*  *? Nêu đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam?*  *? Tóm tắt nét chính của lịch tư tưởng Việt Nam theo thời gian: thời kì dựng nước, thời Bắc thuộc, thười quân chủ độc lập, thời Pháp thuộc và thời hiện đại?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia 4 nhóm tìm hiểu, thảo luận và thống nhất ý kiến.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3. Báo cáo kết quả.**   * Đại diên các nhóm trình bày kết quả. * Các nhóm khác nhận xét.   **Bước 4. Nhận xét, đánh giá.**  GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, so sánh và kết luận. | **a. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**  - Đối tượng : Là toàn bộ hệ thống những quan điểm nhận thức của người Việt Nam về tự nhiên và xã hội, con người trong quá khứ.  - Phạm vi nghiên cứu: tập trung vào vào hai lĩnh vực chính là tư tưởng chính trị và tư tưởng tôn giáo.  **b. Khái lược tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam**  - Thời kì dựng nước: Con người tin rằng sau khi chết sẽ sang thế giới bên kia. Là cư dân nông nghiệp, họ tôn thờ sức mạnh tự nhiên như mưa, nắng, Mặt Trời..Trong buổi đầu dựng nước, tư duy về đoàn kết, thống nhất dân tộc được định hình.  - Thời Bắc thuộc: Người Việt tiếp thu những hệ tư tưởng bên ngoài như Phật Giáo, Đạo giáo, Nho giáo từ Trung Hoa và Ấn Độ.  - Thời quân chủ độc lập: về cơ bản Nho giáo đóng vai trò là hệ tư tưởng chính trị chính thống, nền tảng của chế độ quân chủ. Tư tưởng lấy dân làm gốc và trọng dụng hiền tài cũng được chú trọng.  - Thời Pháp thuộc: các khuynh hướng tư tưởng mới du nhập. Cuối thế kỉ XIX- đầu thế kỉ XX, khuynh hướng dân chủ tư sản xuất hiện (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh). Từ thập niên 20/XX, chủ nghĩa Mác- Lênin được truyền bá vào Việt Nam, mở ra phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản, dẫn dắt cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.  - Thời kì cận đại và hiện đại:Chủ nghĩa mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng chủ yếu của xã hội VN, dẫn dắt sư nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cm XHCN. |

**Hoạt động 7. Lịch sử xã hội Việt Nam**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được đối tượng của lịch sử xã hộiViệt Nam.

- Tóm tắt được những nét chính trong tiến trình phát triển của Lịch sử xã hội Việt Nam

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhómhoàn thành nhiệm vụ:  *Đọc thông tin và xem phim tư liệu, hãy:*  *? Nêu đối tượng và phạm vi của lịch sử xã hội Việt Nam?*  *? Tóm tắt nét chính của lịch xã hội Việt Nam theo thời gian: thời kì dựng nước, thời Bắc thuộc, thười quân chủ độc lập, thời Pháp thuộc và thời hiện đại theo mẫu?*   |  |  | | --- | --- | | *Thời kì* | *Đặc điểm* | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia 4 nhóm tìm hiểu, thảo luận và thống nhất ý kiến, hoàn thành bảng kiến thức.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3. Báo cáo kết quả.**   * Đại diên các nhóm trình bày kết quả. * Các nhóm khác nhận xét.   **Bước 4. Nhận xét, đánh giá.**  GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, so sánh và kết luận. | **Phiếu học tập** |

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **3. Lịch sử xã hội Việt Nam**  **a. Đối tượng, phạm vicủa lịch sử xã hội:**  - Đối tượng: là những vấn đề xã hội diễn ra trong quá khứ.  **- Phạm vi:** là những lĩnh vực như quan hệ xã hội, phân tầng xã hội, cơ cấu giai cấp, mâu thuẫn xã hội…  **b. Khái lược về lịch sử xã hội Việt Nam**   |  |  | | --- | --- | | Thời kì | Đặc điểm | | Thời kì dựng nước đầu tiên | Phân hoá thành các bộ phận chủ yếu: quý tộc, nông dân, thợ thủ công, nô tì. Mâu thuẫn xã hội chưa gay gắt. | | Thời kì Bắc thuộc | Duy trì hình thức tổ chức xã hội cơ bản của mình là cộng đồng nông thôn (làng/bản) với phạm vi tự chủ khá lớn. | | Thời Bắc thuộc | Xh có sự phân hoá sau sắc: các tầng lớp gồm: quan lại địa chủ người Hán, hào trưởng người Việt, nông dân, thợ thủ công, thương nhân, nô tì. Mâu thuẫn xã hội gay gắt dân đến cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc diễn ra mạnh mẽ. | | Thời quân chủ độc lập | Xh có giai cấp: quý tộc, quan lại, địa chủ, nông dân, thợ thủ công, thương nhân, nô tì. Từ thế kỉ XVI, mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ pk gay gắt đẫn đến sự phát triển của phong trào đấu tranh. | | Thời Pháp thuộc | Giai cấp địa chủ, nông dân có sự phân hoá, các giai cấp mới ra đời: công nhân, tư sản, tiểu tư sản. Mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp gay gắt. | | Thời hiện đại | +1945-1954, tầng lớp vua quan bị xoá bỏ, địa chủ giảm dần, giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản đoàn kết kháng chiến kiến quốc.  +1954-1975, ở miền Bắc, giai cấp địa chủ, tư sản bị xoá bỏ. Công nhân, nông dân, trí thức là lực lượng làm chủ xã hội. ở miền Nam cơ cấu xã hội có bản k có nhiều thay đổi.  +1975-1986, miền Bắc không có nhiều thay đổi. Miền Nam có nhiều thay đổi.  +1986 đến nay: bên cạnh công nhân, nông dân, binh sĩ, trí thức đã xuất hiện thêm tầng lớp mới: tầng lớp doanh nhân ngày càng đông đảo, có vị thế vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. | |

**Hoạt động 8. Lịch sử kinh tế Việt Nam**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử kinh tếViệt Nam.

- Tóm tắt được những nét chính trong tiến trình phát triển của Lịch sử kinh tế Việt Na

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhómhoàn thành nhiệm vụ:  *Đọc thông tin và xem phim tư liệu, hãy:*  *? Nêu đối tượng và phạm vi của lịch sử kinh tế Việt Nam?*  *? Tóm tắt nét chính của lịch kinh tế Việt Nam theo thời gian: thời kì dựng nước, thời Bắc thuộc, thười quân chủ độc lập, thời Pháp thuộc và thời hiện đại theo mẫu?*   |  |  | | --- | --- | | *Thời kì* | *Đặc điểm* | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia 4 nhóm tìm hiểu, thảo luận và thống nhất ý kiến, hoàn thành bảng kiến thức.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3. Báo cáo kết quả.**   * Đại diên các nhóm trình bày kết quả. * Các nhóm khác nhận xét.   **Bước 4. Nhận xét, đánh giá.**  GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, so sánh và kết luận. | **Phiếu học tập** |

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **4. Lịch sử kinh tế Việt Nam**  **a. Đối tượng và phạm vi:**  **-** Đối tượng: các hoạt động của con người liên quan đến quá trình sản xuất, trao đổi, phân phối của cải vật chất trên lãnh thổ Việt Nam trong lịch sử.  - Phạm vi: các ngành và lĩnh vực kinh tế như: Nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp…các phương thức sản xuất và quan hệ sản xuất, tổ chức kinh tế  **b. Khái lược về lịch sử xã hội Việt Nam**   |  |  | | --- | --- | | Thời kì | Đặc điểm | | Thời kì dựng nước đầu tiên | Nền nông nghiệp trồng lúa nước là chủ đạo+thủ công, buôn bán. | | Thời kì Bắc thuộc | Nền kinh tế truyền thống nông nông nghiệp trồng lúa nước có nhiều tiến bộ, thủ công nghiệp, thương nghiệp có nhiều chuyển biến. | | Thời quân chủ độc lập | + Nông nghiệp trồng lúa nước phát triển.  + công nghiệp , thương nghiệp phát triển mạnh. | | Thời Pháp thuộc | + Công nghiệp: Pháp tập trung vào cn chế biến và khai thác.  + Nông nghiệp: lập đồn điền trồng cây cn và lúa.  + thương nghiệp: chính quyền thực dân nắm độc quyền xuất nhập khẩu. | | Thời hiện đại | +1945-1954: vùng Pháp chiếm đóng về cơ bản khống có thay đổi. Ở vùng tự do nền kinh tế mới được xây dựng theo hướng vừa kháng chiến vừa kiến quốc. | |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYÊN TẬP**

**a. Mục tiêu:**Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1:**

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Build and city”

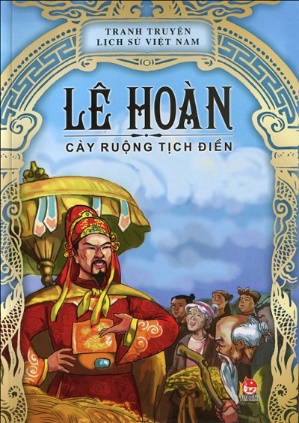
- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

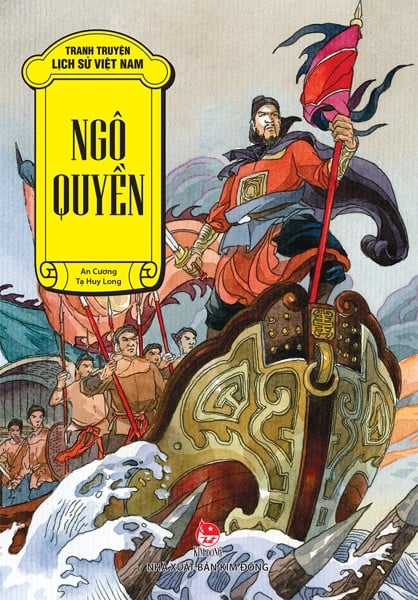
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**-** GV nhận xét bài làm của HS.

**Câu hỏi 1**: Đây là câu chuyện lịch sử hay tác phẩm lịch sử thành văn

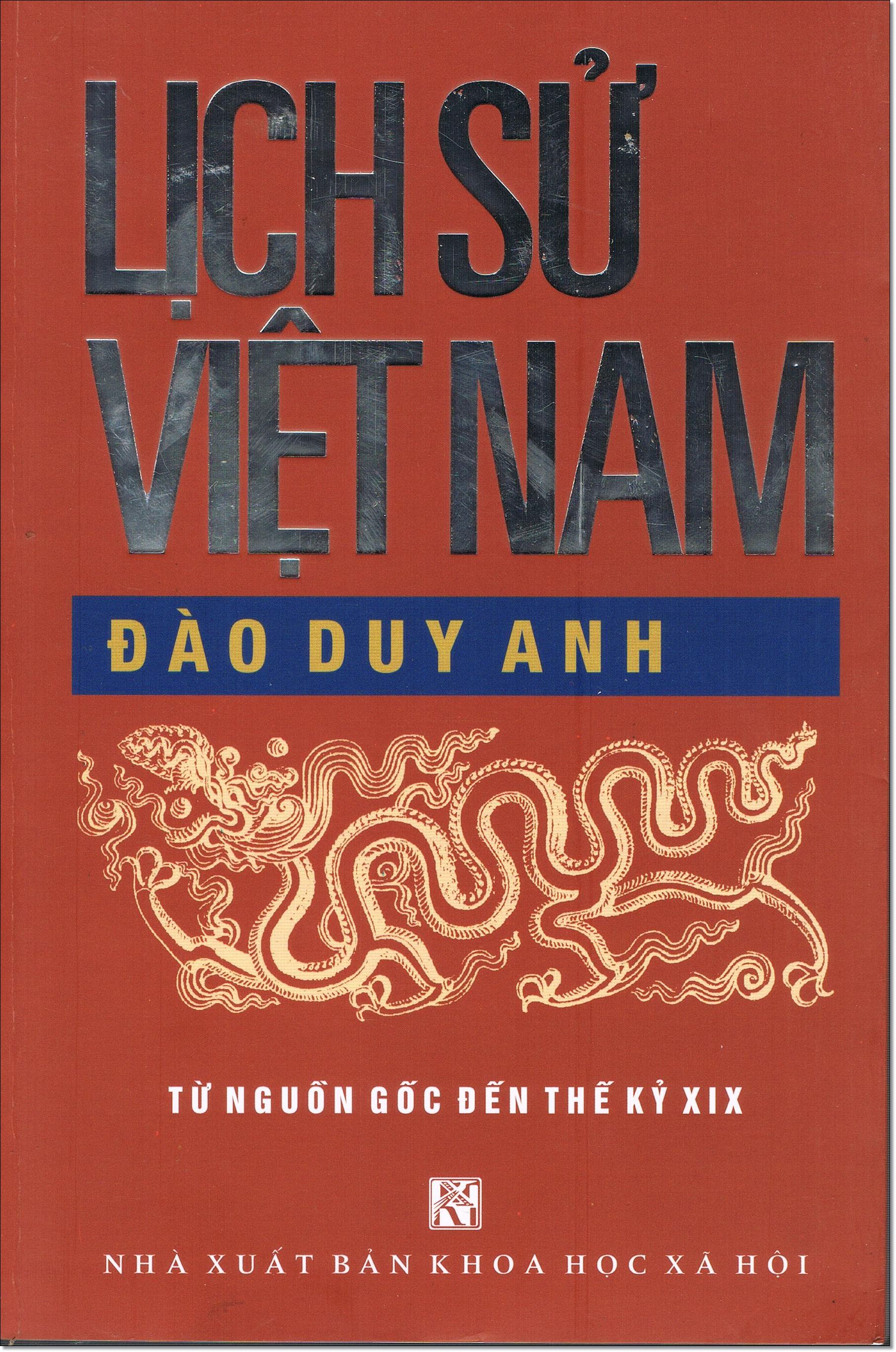
1. Câu chuyện lịch sử
2. Tác phẩm lịch sử thành văn



**Câu hỏi 2:**Đây là câu chuyện lịch sử hay tác phẩm lịch sử thành văn

1. Câu chuyện lịch sử
2. Tác phẩm lịch sử thành văn

**Câu hỏi 3**: Đây là câu chuyện lịch sử hay tác phẩm lịch sử thành văn

1.  Câu chuyện lịch sử
2. Tác phẩm lịch sử thành văn

**Câu hỏi 4**: Lịch sử dân tộc là gì?

A. Lịch sử của một quốc gia

B. Lịch sử của nhiều quốc gia

**Câu hỏi 5**: **Lịch sử văn hóa nghiên cứu vấn đề gì?**

A. Những thành tựu và giá trị vật chất tinh thần do con người sáng tạo ra

B . Hệ thống những quan điểm, nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và con người

C. Các hoạt động của con người liên quan đến quá trình sản xuất, trao đổi, phân phối của cải vật chất

D. Quan hệ xã hội, phân tầng xã hội, cơ cấu giai cấp, mâu thuẫn xã hội.

Đáp án.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Đáp án | A | A | B | A | A |

**Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi trong phiếu học tập sau:**

**Câu hỏi 1**: Nền văn hóa nào đóng vai trò quyết định trong việc xác lập nên bản sắc văn hóa Việt?

A. Văn hóa Sơn Vi B. Văn hóa Hòa Bình

C.Văn hóa Đông Sơn D. Văn hóa Sa Huỳnh

**Câu hỏi 2:**Thời kỳ 179TCN-938 ứng với giai đoạn nào trong tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam ?

A. Giai đọan văn hoá thời nguyên thủyB. Giai đoạn văn hóa Văn Lang-Âu Lạc

C.Giai đoạn văn hóa thời kỳ Bắc thuộcD. Giai đoạn văn hóa hiện đại

**Câu hỏi 3**:Trống đồng Đông Sơn là thành tựu của giai đoạn văn hóa nào?

A. Giai đoạn văn hoá Thời nguyên thủyB.Giai đoạn văn hóa Văn Lang-Âu Lạc

C. Giai đoạn văn hóa thời kỳ Bắc thuộcD. Giai đoạn văn hóa hiện đại

**Câu hỏi 4**:Ở giai đoạn Thời nguyên thủy, thành tựu lớn nhất của cư dân Nam Á là :

A.Hình thành nghề nông nghiệp lúa nướcB. Kỹ thuật luyện kim đồng

C. Kỹ thuật luyện sắtD. Kỹ thuật chế tạo đồ gốm

**Câu hỏi 5**: Thời kỳ văn hóa Văn Lang-Âu Lạc có ba trung tâm văn hóa lớn là :

A. Văn hóa Đông Sơn –Văn hóa Sa Huỳnh –Văn hóa Óc Eo

B. Văn hóa Hòa Bình –Văn hóa Sơn Vi –Văn hóa Phùng Nguyên

C.Văn hóa Đông Sơn –Văn hóa Sa Huỳnh –Văn hóa Đồng Nai

D.Văn hóa châu thổ Bắc Bộ –Văn hóa Chămpa –Văn hóa Óc Eo

**Câu hỏi 6**: Hệ tư tưởng chính thống của các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV là

A. Phật giáo B. Nho giáo C. Đạo giáo D. Hồi giáo

**Câu hỏi 7:**Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chiếm vị trí độc tôn ở nước ta từ thế kỉ nào?

A. Thế kỉ XIIB. Thế kỉ XIIIC. Thế kỉ XIV D. Thế kỉ XV

**Câu hỏi 8**:**Một trong những nguồn gốc của tư tưởng HCM là tiếp thu?**

A. Tư tương văn hóa phương đôngB. Tư tương văn hóa phương Tây  
C. Chủ Nghĩa Mác-LêNinD. Chủ nghĩa xã hội không tưởng

**Câu hỏi 9**:Thế kỉ X - XVI, vị trí của Phật giáo trong xã hội Việt Nam như thế nào?

A. Không phổ cập nhưng hào lẫn với tín ngưỡng dân gian

B. Giữ vị trí đặc biệt quan trọng và rất phổ biến

C. Chi phối nội dung giáo dục thi cử song không phổ biến trong nhân dân

D. Được nâng lên địa vị độc tôn trong xã hội

**Câu hỏi 10**: Trước giai đoạn thời Pháp thuộc, xã hội Việt Nam có hai giai cấp cơ bản là

A. địa chủ phong kiến và tiểu tư sảnB. địa chủ phong kiến và tư sản

C. địa chủ phong kiến và nông dânD. công nhân và nông dân

**Câu hỏi 11:**Trong giai đoạn thời Pháp thuộc, các giai cấp và tầng lớp xã hội mới xuất hiện đó là

A. địa chủ nhỏ và công nhânB. công nhân, tư sản dân tộc và tiểu tư sản

C. công nhân, nông dân và tư sản dân tộcD. công nhân, nông dân và tiểu tư sản

**Câu hỏi 12**:Giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành trong khoảng thời gian nào?

A. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.B. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.  
C. Trong thời Pháp thuộcD. Trong thời Bắc Thuộc

**Câu hỏi 13**:Phương thức sản xuất nào từng bước du nhập vào Việt Nam qua thời Pháp thuộc?

A. Phương thức sản xuất phong kiếnB. Phương thức sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp

C. Phương thức sản xuất thực dânD. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

**b. Nội dung:** GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

**c. Sản phẩm:**Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS :

*1.Sưu tầm tư liệu về lịch sử kinh tế Việt Nam thời kì Đổi mới, hãy lựa chọn 10 sự kiện và trình bày theo cách biên niên.*

*2. Em hãy sưu tầm và giới thiệu một số tư liệu về nền Phật giáo Việt Nam*

*3. Em hãy sưu tầm và giới thiệu một số tư liệu về vai trò của giai cấp Công nhân Việt Nam*

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**CHUYÊN ĐỀ 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM**

**(Thời lượng: 15 tiết)**

**I.Mục tiêu.**

**1. Kiến thức:**

- Di sản văn hoá.

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

- Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở Việt Nam.

**2. Năng lực**

**-** Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc khai thác thông tin, tư liệu sơ đồ tranh ảnh, bảng thống kê, lược đồ...để chỉ ra được cách phân loại, xếp loại di sản văn hoá; trình bày và giả thích được vai trò, trách nhiệm của các tổ chức cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá,xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá tiêu biểu ở VN trên lược đồ và giới thiệu được nét cơ bản về một số di sản văn hoá tiêu biểu ở Việt Nam.

- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc giải thích được khái niệm “di sản văn hoá”, “bảo tồn di sản văn hoá”; phân tích được mục đích và ý nghĩa của việc phân loại và xếp hạng di sản văn hoá, cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hoá, mối quan hệ giữ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về di sản văn hoá ở Việt Nam.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi và hoạt động nhóm, thảo luận, tổ chức trò chơi để giải quyết các nhiệm vụ học tập về di sản văn hoá.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạothông qua việc vận dụng các thao tác tư duy để khám phá,chiếm lĩnh kiến thức mới, biết sử dụng các phương pháp học tập tích cực để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Góp phần giáo dục tình yêu quê hương đất nước, lòng ngưỡng mộ, biết ơn các thế hệ cha ông đã tạo ra những di sản quý báu.

- Có thái độ trân trọng giá trị của di sản văn hoá, xác định trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồnvaf phát huy giá trị các di sản văn hoá ở địa phương.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu.**

**\* Chuẩn bị của giáo viên**

- Video, hình ảnh về 1 số di sản văn hóa tiêu biểu của Việt Nam.

- Máy tính, máy chiếu, tivi.

- Kế hoạch dạy học /Giáo án điện tử.

**-** Máy tính kết nối máy chiếu.

- Phiếu học tập cho học sinh.

**\* Chuẩn bị của học sinh:**

+ SGK- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành sản phẩm hoạt động nhóm.

**III. Tiến trình tổ chức dạy học.**

**1.Hoạt động khởi động.**

**a. Mục tiêu**: Kích thích tư duy của học sinh trong bài học.

**b. Nội dung**: GV chiếu một số hình ảnh về cố đô Huế, Thánh địa Mỹ Sơn, biểu diễn Đờn ca tài tử Nam Bộ, nhã nhạc cung đình Huế.

- Gv sử dụng kĩ thuật KWLH, hướng dẫn học sinh làm việc cá nhân, điền những hiểu biết của mình vào bảng.

**c. Sản phẩm:** Học sinh quan sát và trả lời câu hỏi

**d. Tổ chức thực hiện**:

**- Bước 1:**Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu Hs quan sát hình ảnh và hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Know? | Want? | Learm? | How? |
| Em đã biết gì về di sản văn hoá? | Em muốn biết gì thêm về di sản văn hoá? | Em đã học được những gì về di sản văn hoá? | Em sẽ vận dụng khái niệm di sản văn hoá như thế nào? |
| .................................... | .................................. | .................................... | ................................... |

**- Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: Hs cả lớp thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2-3 phút

**- Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

**- Bước 4:**HS bổ sung, GV nhận xét, đánh giá và tạo tình huống dẫn dắt vào bài mới.

**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**Hoạt động 1. I. Di sản văn hóa**

**1.Khái niệm di sản văn hóa, ý nghĩa của di sản văn hoá.**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được khái niệm và ý nghĩa di sản văn hóa.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ** cho HS:  GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh một số di sản văn hóa  + Trả lời câu hỏi:  *1. Thế nào là di sản văn hóa?*  *2. Nêu ý nghĩa của di sản văn hóa và lấy ví dụ để chứng minh cho từng ý nghĩa đó?*  **- Bước 2:**HS **tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ** học tập  HS đọc SGK, trao đổi cặp đôi, thống nhất ý kiến, hoàn thành nhiệm vụ.  **- Bước 3:Báo cáo kết quả hoạt động**, thảo luận  - Đại diện học sinh trả lời và góp ý.  **- Bước 4:Đánh giá kết quả thực hiện** nhiệm vụ học tập  - GV nhận xét đánh giá, kết luận. | **+ Khái niệm**:  Di sản văn hoá là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, do con người sáng tạo nên trong một quá trình lịch sử lâu dài, được lưu truyền từ thế hệ trước cho thế hệ sau trong một nhóm cộng đồng hoặc xã hôi, được giữ gìn, phát huy đến ngày nay.  **+ Ý nghĩa:**   * Lưu giữ giá trị vật chất, tinh thần của cộng đồng.   VD: Cố đô Huế- của cộng đồng người Việt (người Kinh). Đờn ca tài tử Nam Bộ là tinh hoa của nghệ thuật dân tộc, gắn bó với đời sống của người dân Nam Bộ, là hơi thở, là tiếng lòng, là sức sống mãnh liệt của những người trọng nghĩa kinh tài, đậm tính nhân văn của vùng sâu nước giàu hoa trái và trí dũng miền Nam….   * Tôn vinh quảng bá các giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học.   VD: Vịnh Hạ Long- Cố đô Huế- Thánh địa Mĩ Sơn…, không chỉ người Việt Nam biết, mà cư dân nhiều quốc gia trên thế giới đều biết. Du khách VN, du khách TG đến thăm quan...Người Việt có thể quảng bá lịch sử văn hoá của mình ra thế giới.   * Giáo dục truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ.   VD: Hoàng thành Thăng Long, Văn miếu- Quốc tử Giám với các giá trị lịch sử quan trong có thể giáo dục thế hệ trẻ truyền thống hiếu học.   * Là cơ sở sáng tạo giá trị văn hoá mới và mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế.   VD: Các dia sản Vịnh Hạ Long, Động Phong Nha- Kẻ Bàng, Tràng An- Ninh Bình...thu hút nhiều lượt khách du lịch nước ngoài.   * Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội.   Vd: Cố đô Huế- của cộng đồng người Việt, Khu thánh địa Mĩ Sơn, quần thể di tích lăng Chủ Tịch Hồ Chí Minh,…- trở thành điểm du lịch nổi tiếng thu hút đông đảo khách thăm quan- du lịch, nhờ vậy đã giải quyết công ăn việc làm cho 1 số lượng lớn lao động, là nguồn lực để phát triển kinh tế- xã hội. |

**Hoạt động 2. Tìm hiểu phân loại di sản văn hóa và xếp hạng di tích lịch sử- văn hóa**

**Tìm hiểu: a) Phân loại di sản văn hóa**

**a. Mục tiêu**: HS rèn luyện kĩ năng sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về các loại di sản văn hóa và mục đích, ý nghĩa của việc phân loại di sản văn hóa

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1:** GV chia lớp thành 4 nhóm, **chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, tư liệu và khai thác sách giáo khoa, trả lời câu hỏi:  *? Nêu các cách phân loại di sản văn hoá. Phân tích mục đích, ý nghĩa của việc phân loại di sản văn hóa?*  **- Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**: HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  **- Bước 3:Báo cáo kết quả**.  Đại diện học sinh mỗi nhóm trả lời và góp ý, bổ sung.  **-Bước 4**. **Đánh giá kết quả**: GV đánh giá kết quả học tập của hs. | **Phiếu học tập** |

**PHIẾU HỌC TẬP**

**\*Tiêu chí phân loại di sản văn hoá.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phân loại/căn cứ** | **Theo UNESCO** | **Theo luật Di sản văn hoá** |
| **Di sản văn hoá phi vật thể** | -Là các tập quán, các hình thức thể hiện biểu đạt, tri thức, kĩ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác, và các không gian văn hoá có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người, và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hoá của họ.  -Gồm các truyền thống và biều đạt truyền khẩu, trong đó ngôn ngữ là phương tiện của di sản văn hoá phi vật thể, nghệ thuật trình diễn, tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội, tri thức và tập quán liên quan đến tự nhiên và vũ trụ, nghề thủ công truyền thống. | Là sản phẩm tinh thần gắn liền với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hoá liên quan có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học,thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và lưu truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác bằng truyền miệng truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác. |
| **Di sản văn hoá phi vật thể** | -Di sản văn hoá di động(tranh, điêu khắc, tiền tệ, văn bản…)  Di sản văn hoá cố định(di tích, di chỉ, khảo cổ..)  Di sản văn hoá dưới nước(xác tàu đắm, phế tích, đô thị…) | Là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. |

|  |
| --- |
| \***Mục đich, ý nghĩa của việc phân loại di sản văn hoá:**  +**Mục đích**: - Bảo vệ, quản lí, khai thác và sử dụng tốt hơn giá trị của di sản văn hoá.  -giúp các tổ chức, cá nhân nhận diện, hiểu được tính đa dạng, phong phú của dí sản.  - Làm cơ sở cho việc xác định các giải pháp bảo tồn phát huy giá trị di sản hiệu quả.  +**Ý nghĩa**: - có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại bền vững của di sản cũng như việc phát huy những giá trị văn hoá trong cộng đồng. |

***b) Xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa***

**a. Mục tiêu**: Chỉ ra được một số cách xếp hạng di sản văn hoá, phân tích được mục đích và ý nghĩa của việc phân loại, xếp hạng di sản văn hoá.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cơ bản** |
| - **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ cho HS**:  Gv chia lớp thành 4 nhóm, cả 4 nhóm cùng tham gia trò chơi. Mỗi nhóm giành quyền trả lời nhanh 7 câu hỏi.  *Câu 1. Di sản văn hoá được xếp thành mấy hạng? Đó là những hạng nào?*  *Câu 2. Ai là người có thẩm quyền quyết định việc xếp hạng di tích cấp tỉnh?*  *Câu 3. Ai là người có thẩm quyền quyết định việc xếp hạng di tích cấp quốc gia?*  *Câu 4. Ai là người có thẩm quyền quyết định việc xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt?*  *Câu 5. Tổ chức nào có trách nhiệm ghi danh các di sản văn hoá tiêu biểu quốc gia vào danh mục di sản thế giới?*  *Câu 6. Mục đích của việc xếp hạng di sản văn hoá là gì?*  *Câu 7. Ý nghĩa của việc xếp hạng di sản văn hoá?*  **Bước 2. Hs thực hiện nhiệm vụ**.  Các nhóm dựa vào kiến thức sgk trả lời nhanh.  Thư kí tính điểm.  **Bước 3. Gv nhận xét, bổ sung chốt kiến thức**. | **PHIẾU HỌC TẬP** |

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Theo luật Di sản văn hoá, di tích được xếp hạng như sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Di tích cấp tỉnh** | **Di tích cấp quốc gia** | **Di tích cấp quốc gia đặc biệt** | **Di sản thế giới** | | **Giá trị di tích** | Di tích có giá trị tiêu biểu của địa phương. | Di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia. | Di tích có giá trị tiêu biểu đặc biệt của quốc gia. | Di tích có giá trị tiêu biểu đặc biệt của quốc gia. | | **Cơ quan xếp hạng** | Chủ tỉnh uỷ bản nhân dân cấp tỉnh. | Bộ trưởng bộ văn hoá Thể thao và Du lịch. | Thủ tướng chính phủ | UNESCO ghi danh |   + **Mục đích**: Xác lập cơ sở pháp lí bảo vệ di sản, phân cấp quản lí từ trung ươg đến địa phương, là cơ sở cho việc xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của các cấp chính quyền, đoàn thể và công dân đối với công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản.  + **Ý nghĩa**:có ý nghĩa thiết thực đối với sự tồn tại của di tích.Thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội.Tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức xã hội, cộng đồng, cư dân tích cực chủ động tham gia vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản. |

**II. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.**

**Hoạt động 3. Tìm hiểu mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.**

**a.Mục tiêu:** + Giải thích được khái niệm bảo tồn di sản văn hoá

+Phân tích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ cho hs:**  Hs đọc sgk, tư liệu, quan sát hình 2.5 trả lời câu hỏi:  *? Thế nào là bảo tồn di sản văn hoá?*  *? Thế nào là phát huy giá trị di sản văn hoá?*  *? Phân tích mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản?*  **Bước 2. Hs thực hiện nhiệm vụ.**   * Cả lớp tìm hiểu, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.   **Bước 3. Báo cáo kết quả.**   * GV gọi một số hs trả lời từng câu hỏi. * Các hs khác nhận xét, bổ sung. * Gv bổ sung, hướng dẫn tìm hiểu rõ vấn đề qua việc hướng dẫn hs đọc kĩ *Mục 3, Điều 2< Công ước bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể của UNESCO, 2003*.   **Bước 4. Đánh giá sản phẩm của hs.**  GV chốt nội dung kiến thức. | **1.Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa**  -Bảo tồn di sản văn hoá là việc giữ gìn nguyên dạng giá trị gốc của di sản hoặc giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có.  -Phát huy giá trị di sản văn hoá là sự kế thừa, phát triển, khai thác sử dụng hiệu quả những giá trị của di sản văn hoá trong đời sống hiện tại và tương lai.  -Bảo tồn và phát huy giá trị di sản có quan hệ biện chứng, gắn bó chặt chẽ.  -Bảo tồn là cơ sở để phát huy giá trị to lớn của di sản văn hoá.  -Phát huy giá trị của di sản văn hoá sẽ góp phần quan trọng vào giữ gìn và bảo vệ sự tồn tại của di sản.  -Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá gắn liền với sự phát triển kinh tế đất nước, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người VN mở rộng giao lưu văn hoá với người nước ngoài. |

**Hoạt động 4. Tìm hiểu về cơ sở khoa học, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.**

**1. Cơ sở khoa học của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.**

**a.Mục tiêu**: Phân tích được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước.

**b. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho hs**.  Cả lớp chia 6 nhóm tìm hiểu nội dung sau:  *? Đọc thông tin tư liệu và quan sát hình 2.6 Hãy phân tích cơ sở khoa học của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**.   * Các nhóm hs phân công nhiệm vụ và thực hiện. * Gv có thể gợi ý khi cần thiết.   -Để hiểu được cơ sở thứ nhất GV hướng dẫn Hs phân tích nội dung sắc lệnh số 65 ngày 23.11.1945 để rút ra kết luận về tầm quan trọng và sự cần thiết phải bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.  - Để hiểu được cơ sở thứ hai GV hướng dẫn hs khai thác hình 2.6 nhận thức được giá trị của cố đô Huế(giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học) những hàng năm nước lũ dâng cao ảnh hưởng trực tiếp đến di sản đòi hỏi nhà nước phải có chính sách kịp thời…  - Để hiểu được cơ sở thứ ba GV yêu cầu hs đọc *Điều 3, Luật di sản văn hoá.*  **Bước 3: HS báo cáo kết quả.**   * Đại diện các nhóm trình bày kết quả. * Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, phản biện.   **Bước 4. GV nhận xét, đánh giá.** | **2.Cơ sở khoa học, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.**  **2.1. Cơ sở khoa học của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.**  + Giá trị của di sản văn hoá:bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá xuất phát từ những giá trị to lớn của di sản đối với cộng đồng(giá trị lịch sử, văn hoá khoa học).  +Thực trạng của di sản văn hoá: Hiện nay nhiều di sản văn hoá vật thể bị xuống cấp nghiêm trọng do ảnh hưởng của tg, thiên nhiên. Bên cạnh đó, tác động của con người, những hạn chế của chính sách hỗ trợ nhiều di sản đang dần bị mai một, ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị của di sản văn hoá.  +Văn bản pháp quy của nhà nước: Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp quy làm cơ sở pháp lí cho các cơ quan có thẩm quyền. Tổ chức xã hội , cộng đồng, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bảo tồn di sản. |

**2. Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.**

**a.Mục tiêu**: Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

**b.Nội dung**: GV sử dụng phương pháp dạy học dự án, cho hs làm việc ở nhà theo nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ, trên lớp bảo cáo kết quả.

**c. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Gv giao nhiệm vụ cho hs.**   * Các nhóm thực hiện ở nhà, mỗi nhóm 1 nhiệm vụ:   *Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu và sưu tầm tư liệu làm minh chứng về giải pháp tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ di sản văn hoá trong cộng đồng.*  *Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu và sưu tầm tư liệu về giải pháp đổi mới cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.*  *Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu và sưu tầm tư liệu làm minh chứng về giải pháp tăng cường các biện pháp bảo vệ di sản văn hoá?*  **Bước 2. Hs thực hiện nhiệm vụ.**   * Các nhóm phân công và giải quyết nhiệm vụ học tập. * Hs các nhóm có thể hỗ trợ nhau, * Gv có thể hỗ trợ: hướng dẫn hs sưu tầm tư liệu trên mạng, cung cấp tư liệu sách báo...gợi ý các bước thực hiện dự án, phương pháp thực hiện, những địa điểm cần tìm hiểu…   **Bước 3. Báo cảo sản phẩm trên lớp.**   * Các nhóm khác nhau nhận xét bổ sung cho nhau, đặt câu hỏi làm rõ vấn đề.   **Bước 4. Gv nhận xét, đánh giá, chốt**. | **2.2. Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.**  -Đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ di sản văn hoá trong cộng đồng.  - Đổi mới cơ chế chính sách bảo tồn giá trị di sản văn hoá..  - Tăng cường các biện pháp bảo vệ di sản văn hoá: nâng cao năng lực tổ chức của nhà nước, gắn liền hoạt động bảo tồn với cộng đồng dân cư… |

**Hoạt động 5.Tìm hiểu Vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.**

**3.1. Vai trò.**

**a. Mục tiêu**: Trình bày và giải thích được vai trò của các tổ chức cá nhân trong công tácbảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

**b. Nội dung**: Gv cho học sinh làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi.

**c.Tổ chức thực hiện**.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ cho hs**.   * Yêu cầu hs đọc thông tin và quan sát bảng 2.3, hình 2.8 để trả lời các câu hỏi:   *? Trình bày và giải thích vai trò của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.*  *? Lấy ví dụ và xác định trách nhiệm của bản thân đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá đó?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**   * Hs tự làm việc với tư liệu để giải quyết nhiệm vụ học tập. * Gv hướng dẫn hs tìm hiểu bảng 2.3 , rút ra được vai trì của hệ thống chính trị(Nhà nước, Chính phủ, Bộ văn hoá-thể thao-du lịch, Uỷ ban nhân dân các cấp) và vai trò của doanh nghiệp(huy động vốn), cộng đồng, cá nhân đối với công tác bảo tồn. * Gv hướng dẫn tìm hiểu hình 2.8 Và mục *Em có biết* để rút ra nhận xét về sự cần thiết phải phối hợp giữa các tổ chức và cá nhân để đem lại hiệu quả cho công tác bảo tồn.   **Bước 3. Báo cáo sản phẩm học tập.**   * Gv gọi một số hs trình bày kết quả. * Một số hs khác nhận xét, nêu ý kiến bổ sung, đặt câu hỏi.   **Bước 4. Gv đánh giá nhận xét** và chốt nội dung kiến thức. | **3.1. Vai trò.**   |  |  | | --- | --- | | Hệ thống chính trị | Tạo ra khuôn khổ pháp lí và cơ chế chính sách cho Công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hoá.  Quản lí các di sản văn hoá. | | Doanh nghiệp | Cung cấp nguồn vốn và nhân lực | | Cộng đồng  Dân cư | Là chủ thể của di sản, đóng vai trò then chốt trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản. | | Công dân | Trực tiếp tham gia bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá | |

**3.2. Trách nhiệm.**

**a. Mục tiêu**: Trình bày được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

**b. Nội dung**: Gv cho hs làm việc theo nhóm, yêu cầu học sinh đọc thông tin tư liệu và trả lời các câu hỏi.

**c. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước1 . Chuyển giao nhiệm vụ.**   * Các nhóm đọc thông tin tư liệu và quan sát bảng 2.4, hãy nêu   *? Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá? Nêu và phân tích ví dụ cụ thể?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**   * Các nhóm làm việc với tư liệu để giải quyết nhiệm vụ học tập. * Gv gọi ý hs khai thác bảng 2.4 Để rút ra được sự khác nhau về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản. * Hs đọc diều 17, luật di sản văn hoá để nhận thức rõ hơn trách nhiệm của nhà nước, các tổ chức, cá nhân…   **Bước 3. Báo cáo sản phẩm.**   * Đại diện các nhóm thuyết trình về sản phẩm học tập. * Các nhóm khác nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi.   **Bước 4**. Gv **đánh giá nhận xét** và chốt nội dung kiến thức. | **3.2. Trách nhiệm.**   |  |  | | --- | --- | | **Nhà nước** | - Ban hành các văn bản pháp quy về di sản văn hoá. - Tổ chức, quản lí di sản văn hoá. | | **Tổ chức**  **xã hội** | - Thực hiện quản lí di sản văn hoá theo phân cấp.  - Huy động nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. | | **Nhà trường** | -Giáo dục và nâng cao nhận thức của học sinh về giá trị di sản văn hoá.  - Phát huy hiệu quả giá trị di sản thống qua hoạt động giáo dục. | | **Cộng đồng** | -Trực tiếp tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.  -Khai thác, sử dụng di sản văn hoá hợp lí vì mục tiêu phát triển bền vững. | | **Công dân** | - Chấp hành luật pháp, chính sách, quy định về bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn học.  - Sẵn sàng đóng góp và vận động người khác cùng tham gia bảo tồn, phát huy giá trị của di sản | |

**III. Một số di sản văn hóa tiêu biểu ở Việt Nam.**

**Hoạt động 6: 1.Tìm hiểu về di sản văn hóa phi vật thể**

**1.1.Tìm hiểu về vị trí phân bố.**

**a. Mục tiêu:** Xác định được vị trí phân bố của các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam trên lược đồ.

**b. Tổ chức thực hiện:** GV tổ chức hội thi “Hành trình khám phá di sản văn hóa phi vật thể” để tìm hiểu về vị trí phân bố của các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 2 đội chơi, yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát bảng 2.5, lược đồ 2.1 để cùng thực hiện những nhiệm vụ sau:  *Nhiệm vụ 1: Dán ảnh vào vị trí phân bố của các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu trên lược đồ trống Việt Nam.*  *Nhiệm vụ 2: Nhận xét về địa bàn phân bố của các di sản đó.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS trong từng nhóm phân công thực hiện nhiệm vụ.  GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong bảng 2.5 đối chiếu với lược đồ 2.1 để xác định vị trí của các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  Các nhóm cử thành viên tham gia cuộc thi  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  GV nhận xét, đánh giá chốt kiến thức  Mở rộng : GV tổ chức cho HS trao đổi vấn đề sau:  *Tại sao địa hình phân bố rộng khắp các địa phương trong cả nước?*  *So sánh điểm giống và khác nhau giữa di sản văn hóa phi vật thể và vật thể?*  *Hãy kể tên các di sản văn hóa phi vật thể của địa phuwong mà em biết ?* | **1.Tìm hiểu về di sản văn hóa phi vật thể**  **1.1.Tìm hiểu về vị trí phân bố.**  - Địa bàn phân bố rộng khắp cả nước.  - Loại hình: phong phú, đa dạng.  - Phản ánh đời sống tinh thần của cộng đồng người Việt. |

**1.2. Tìm hiểu về một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu: Nhã nhạc cung đình Huế và Đờn ca tài tử Nam Bộ.**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu được nét cơ bản về Nhã nhạc cung đình Huế và Đờn ca tài tử ở Nam Bộ.

**b. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp dạy học theo dự án, cho HS làm việc nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin và qua sát hình 2.10 thực hiện các nhiệm vụ ( làm trước ở nhà và báo cáo sản phẩm tại lớp ).

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  yêu cầu HS đọc thông tin và qua sát hình 2.10 thực hiện các nhiệm vụ ( làm trước ở nhà và báo cáo sản phẩm tại lớp ).  *Nhiệm vụ 1: Đóng vai là nhà văn hóa, nghệ sĩ, nhà báo ....giới thiệu về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và giá trị của Nhã nhạc cung đình Huế?*  *Nhiệm vụ 2: Đóng vai là nhà văn hóa, nghệ sĩ, nhà báo ....giới thiệu về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và giá trị của Đờn ca tài tử Nam Bộ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong hình 2.9 và hình 2.10 để nhận thức được Nhã nhạc cung đình Huế và Đờn ca tài tử ở Nam Bộ thuộc loại hình phi vật thể ở Việt Nam.  GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục em có biết? để nhận thức được đặc điểm của mỗi loại hình.  GV cung cấp cho HS một số tư liệu tham khảo giới thiệu về 2 di sản tiêu biểu này.  HS thảo luận nhóm thống nhất cách thức trình bày  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  Các nhóm cử thành viên tham gia cuộc thi  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  GV cho HS nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức  Cần nhấn mạnh  *Mở rộng: GV cho HS thảo luận*  *So sánh rút ra điểm tương đồng và khác biệt của Nhã nhạc cung đình Huế với Đờn ca tài tử Nam Bộ?*  *Làm thế nào để bảo tồn phát huy được giá trị của Nhã nhạc cung đình Huế và Đờn ca tài tử Nam Boojtrong thời đại hiện nay khi các xu hướng âm nhạc hướng ngoại đang phát triển và nhiều người trẻ không thích âm nhạc truyền thống ?*  *Từ đó giáo dục HS trách nhiệm bảo tồn và trân trọng giá trị của di sản văn hóa phi vật thể nói chung.* | **1.Tìm hiểu về di sản văn hóa phi vật thể**  **1.1.Tìm hiểu về vị trí phân bố.**  **1.2. Tìm hiểu về một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu: Nhã nhạc cung đình Huế và Đờn ca tài tử Nam Bộ.**  **\* Nhã nhạc cung đình Huế**  + Có lịch sử lâu đời, được kế thừa lễ nhạc của các triều đại trước. đến thời Minh Mạng phát triển rực rỡ đạt đến trình độ uyên bác.  + là thể loại nhạc chính thức của triều đình.  + được trình diễn trong cung đình gắn với các nghi lễ đặc biệt... được quy định chặt chẽ, trang trọng...  + các ca công vũ công được tuyển chọn, đào tạo kĩ lưỡng.  + Là loại hình nghệ thuật có tính bác học cao với hệ thống lí luận âm nhạc và sử dụng ca từ theo ngôn ngữ bác học,...  + Năm 2003, được UNESCO ghi danh là kiệt tác truyền khẩu, là di sản văn hóa phi vât thể của nhân loại.  **\*.Đờn ca tài tử Nam Bộ**  + Là loại hình nghệ thuật mang tính quần chúng gắn liền với sinh hoạt cộng đồng ra đời từ thế kỉ XIX.  + Cải biên từ nhạc cung đình kết hợp với nền tảng âm nhạc dân ca, hát đối, hò vè ...  + nghệ nhân, nghệ sĩ là những người dân bình thường không chuyên.  + sân khấu biểu diễn linh hoạt, đơn giản.  + Năm 2013, được UNESCO ghi danh là di sản phi vật thể đại diện cho nhân loại. |

**Hoạt động 7: 2. Di sản văn hóa vật thể.**

**2.1. Tìm hiểu về vị trí phân bố**

**a. Mục tiêu:** Xác định được vị trí phân bố của các di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Việt Nam trên lược đồ.

**b. Tổ chức thực hiện:** GV tổ chức hội thi “Hành trình qua miền văn hóa ” để tìm hiểu về vị trí phân bố của các di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Việt Nam.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 2 đội chơi, yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát bảng 2.6, lược đồ 2.11 lược đồ 2.2 để cùng thực hiện những nhiệm vụ sau:  *Nhiệm vụ 1: Dán 5 bức ảnh vào vị trí phân bố của các di sản văn hóa vật thể tiêu biểu trên lược đồ trống Việt Nam. Hãy kể tên các di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Việt Nam?*  *Nhiệm vụ 2: Nhận xét về địa bàn phân bố của các di sản đó.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS trong từng nhóm phân công thực hiện nhiệm vụ.  GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong bảng 2.6, lược đồ 2.2, hình ảnh 2.11 và góc em có biết để xác định vị trí, địa bàn phân bố của các di sản văn hóa vật thể tiêu biểu.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  Các nhóm cử thành viên tham gia cuộc thi  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  HS nhận xét, đánh giá chéo  GV nhận xét, đánh giá chốt kiến thức  Mở rộng : GV tổ chức cho HS trao đổi vấn đề sau:  *Tại sao địa bàn phân bố của di sản văn hóa vật thể tiêu biểu của Việt Nam rộng khắp các địa phương trong cả nước?*  *Giá trị của di sản văn hóa vật thể ?* | **2.Tìm hiểu về di sản văn hóa vật thể**  **2.1.Tìm hiểu về vị trí phân bố.**  - Địa bàn phân bố rộng khắp cả nước.  - Loại hình: phong phú, đa dạng 5 di sản được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.  - Phản ánh giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học... |

**2.2. Tìm hiểu về một số di sản văn hóa vật thể tiêu biểu: Hoàng thành Thăng Long và Thánh địa Mỹ Sơn.**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu được nét cơ bản về Hoàng thành Thăng Long và Thánh địa Mỹ Sơn.

**b. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp dạy học theo dự án, cho HS làm việc nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  yêu cầu HS đọc thông tin và qua sát hình 2.12, 2.13 thực hiện các nhiệm vụ ( làm trước ở nhà và báo cáo sản phẩm tại lớp ).  *Nhiệm vụ 1: Đóng vai là nhà văn hóa, nghệ sĩ, nhà báo ....giới thiệu về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và giá trị của Hoàng thành Thăng Long?*  *Nhiệm vụ 2: Đóng vai là nhà văn hóa, nghệ sĩ, nhà báo ....giới thiệu về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và giá trị của Thánh địa Mỹ Sơn?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS khai thác đoạn tư liệu của Phan Huy Lê về Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long kết hợp quan sát hình 2.12 và hình 2.13 thấy được nét độc đáo trong kiến trúc và giá trị của các công trình trên.  HS thảo luận nhóm ở nhà thống nhất cách thức trình bày  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  Các nhóm cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  HS các nhóm nhận xét, đánh giá chéo  GV cho HS nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức  Cần nhấn mạnh | **2.Tìm hiểu về di sản văn hóa vật thể**  **2.1.Tìm hiểu về vị trí phân bố.**  **2.2. Tìm hiểu về một số di sản văn hóa vật thể tiêu biểu: Hoàng thành Thăng Long và Thánh địa Mỹ Sơn.**  \* **Hoàng thành Thăng Long**  - Địa điểm: Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (nằm trên địa bàn quận Ba Đình hiện nay) bao gồm Khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu và Khu di tích Thành cổ Hà Nội.  - Lịch sử hình thành, phát triển:  Hoàng thành Thăng Long là quần thể di tích gắn liền với lịch sử Thăng Long - Hà Nội, phản ánh tiến trình lịch sử lâu dài từ thời Bắc thuộc, trải qua các triều đại Lý, Trần, Lê, Mạc, Nguyễn, cho đến ngày nay.  - Gía trị :  + Giá trị lịch sử, văn hoá  + Nơi đây đã trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, nối tiếp nhau của các triều đại.  + là nơi giao lưu của các nền văn hoá  + nơi diễn ra nhiều sự kiện văn hoá - lịch sử quan trọng của Thăng Long - Hà Nội nói riêng và của Việt Nam nói chung trong quá khứ và hiện tại.  + Năm 2010, được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa thế giới.  **\* Thánh địa Mỹ Sơn**  - Địa điểm : xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.  - Hình thành:  + Thánh địa Mỹ Sơn là một quấn thể gồm hơn 70 ngôi đền tháp, được xây dựng khoảng từ thế kỉ IV đến thế kỉ XIII.  + chịu ảnh hưởng của Hin đu giáo là trung tâm văn hóa, tín ngưỡng, lăng mộ của các vương triều Chăm Pa .  - Giá trị:  + Là kiệt tác không chỉ ghi dấu của kiến trúc Chăm Pa mà còn của văn hóa khu vực Đông Nam Á.  + Năm 1999, Thánh địa Mỹ Sơn được UNESCO ghi danh vào danh mục Di sản văn hoá thế giới. |

**Hoạt động 8: 3. Di sản thiên nhiên tiêu biểu**

**3.1. Vị trí phân bố**

**a. Mục tiêu:** giải thích khái niệm di sản thiên nhiên và xác định được vị trí phân bố của các di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam trên lược đồ.

**b. Nội dung**: Gv tổ chức cuộc thi “Khám phá di sản thiên nhiên Việt Nam”.

**c. Tổ chức thực hiện:** GV tổ chức hội thi “Khám phá di sản thiên nhiên Việt Nam ” để tìm hiểu về vị trí phân bố của các di sản thiên nhiên tiêu biểu ở Việt Nam.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV cho HS làm việc nhóm yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát bảng 2.7, lược đồ 2.3 lược đồ 2.2 tham gia cuộc thi “Khám phá di sản thiên nhiên Việt Nam” để cùng thực hiện các nhiệm vụ sau.  *Nhiệm vụ 1: Dán ảnh các di sản thiên nhiên vào vị trí phân bố trên lược đồ trống Việt Nam và cho biết thế nào là di sản thiên nhiên ?*  *Nhiệm vụ 2: Nhận xét về địa bàn phân bố của các di sản đó.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS trong từng nhóm phân công thực hiện nhiệm vụ.  GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong bảng 2.7 để hiểu được khái niệm di sản thiên nhiên, biết tên, vị trí phân bó của di sản thiên nhiên, giá trị của di sản thiên nhiên. Đối chiếu với lược đồ lược đồ 2.3, để xác định vị trí, địa bàn phân bố của các di sản thien nhiên tiêu biểu.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  Các nhóm cử thành viên tham gia cuộc thi  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  HS nhận xét, đánh giá chéo  GV nhận xét, đánh giá chốt kiến thức  Mở rộng : GV tổ chức cho HS trao đổi vấn đề sau: | **3. Di sản thiên nhiên tiêu biểu**  **3.1.Tìm hiểu về vị trí phân bố.**  - Khái niệm: là cảnh quan thiên nhiên( hay còn gọi là danh lam thắng cảnh) được tạo thành bởi các cấu trúc hình thể, sinh vật hoặc cấu trúc địa chất học và địa lý tự nhiên có giá trị đặc biệt về phương diện thẩm mĩ, khoa học và bảo tồn.  - Địa bàn phân bố rộng khắp cả nước. |

**3.2. Tìm hiểu về một số di sản thiên nhiên tiêu biểu: Vịnh Hạ Long, Công viên địa chất Đắk Nông.**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu được nét cơ bản về Vịnh Hạ Long, Công viên địa chất Đắk Nông.

**b. Nội dung**: Gv sử dụng phương pháp đóng vai, yêu cầu hoc sinh đóng vai là nhà văn hóa, nghệ sĩ, nhà báo ....giới thiệu về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và giá trị của Vịnh Hạ Long và công viên địa chất Đắc Nông.

**c. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp dạy học theo dự án, cho HS làm việc nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  yêu cầu HS đọc thông tin và qua sát hình 2.14, 2.15 thực hiện các nhiệm vụ ( làm trước ở nhà và báo cáo sản phẩm tại lớp ).  *Nhiệm vụ 1: Đóng vai là nhà văn hóa, nghệ sĩ, nhà báo ....giới thiệu về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và giá trị của Vịnh Hạ Long?*  *Nhiệm vụ 2: Đóng vai là nhà văn hóa, nghệ sĩ, nhà báo ....giới thiệu về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và giá trị của Công viên địa chất Đắk Nông?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS khai thác hình 2.14 và góc khám phá và hình 2.15 và góc mở rộng để thấy được giá trị của các di sản thiên nhiên trên.  HS thảo luận nhóm ở nhà thống nhất cách thức trình bày  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  Các nhóm cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  HS các nhóm nhận xét, đánh giá chéo  GV cho HS nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức  Cần nhấn mạnh | **3.Tìm hiểu về di sản thiên nhiên**  **3.1.Tìm hiểu về vị trí phân bố.**  **3.2. Tìm hiểu về một số di sản thiên nhiên tiêu biểu: Vịnh Hạ Long, Công viên địa chất Đắk Nông.**  **\*Vịnh Hạ Long**  - Địa điểm: Vịnh Hạ Long là một vịnh nhỏ thuộc phần bờ tây vịnh Bắc Bộ, bao gồm vùng biển đảo của thành phố Hạ Long ( Quảng Ninh) với 1969 hòn đảo lớn nhỏ.  - Hình thành:  Lịch sử kiến tạo địa chất đá vôi của vịnh Hạ Long trãi qua khoảng 500 triệu năm với những điều kiện cổ địa lý rất khác nhau.  - Gía trị :  + góp phần tạo nên những giá trị địa chất, địa mạo độc đáo.  + có giá trị đặc biệt về thẫm mĩ, khoa học và bảo tồn.  + 2 lần được UNESCO ghi nhận là di sản thiên nhiên của thế giới ( Năm 1994 và 2000)  **\*Công viên địa chất Đắk Nông.**  - Địa điểm: thuộc 5 huyện của tỉnh Đắk Nông.  - Hình thành:  + Do các cuộc vận động kiến tạo vỏ trái đất, nơi đây được nâng lên cao, trở thành đất liền và xuất hiện nhiều núi lửa.  + Hoạt động của núi lửa đã hình thành nên vùng đất đỏ ba dan màu mỡ cùng hệ thống hang động độc đáo.  - Giá trị: + Nằm giữa vùng đất có lịch sử và văn hóa lâu đời .  + Góp phần tạo nên những giá trị địa chất, địa mạo.  + Là vùng đất trù phú với hệ sinh thái rừng nhiệt đới.  + Nơi lưu giữ các giá trị đặc trưng về đa dạng sinh học.  + Năm 2020, Công viên địa chất Đắk Nông được UNESCO ghi danh vào danh mục Công viên địa chất toàn cầu. |

**Hoạt động 9: 4. Di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam.**

**4.1. Vị trí phân bố**

**a. Mục tiêu:** giải thích khái niệm di sản phức hợp và xác định được vị trí phân bố của các di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam trên lược đồ.

**b. Nội dung**: Gv tổ chức cuộc thi “Hành trình đi tìm các di sản phức hợp Việt Nam”.

**c. Tổ chức thực hiện:** GV tổ chức hội thi “Hành trình đi tìm di sản phức hợp ở Việt Nam” để tìm hiểu về vị trí phân bố của các di sản phức hợp tiêu biểu ở Việt Nam.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV cho HS làm việc nhóm yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát bảng 2.8, lược đồ 2.3 lược đồ 2.4 tham gia cuộc thi “Hành trình đi tìm các di sản phức hợp Việt Nam” để cùng thực hiện các nhiệm vụ sau.  *Nhiệm vụ 1: Dán 5 bức ảnh( tự chọn) về di sản phức hợp têu biểu vào vị trí phân bố trên lược đồ trống Việt Nam và nêu khái niệm di sản phức hợp?*  *Nhiệm vụ 2: Nhận xét về địa bàn phân bố của các di sản đó ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS trong từng nhóm phân công thực hiện nhiệm vụ.  GV hướng dẫn HS khai thác thông tin trong bảng 2.8 để hiểu được khái niệm di sản phức hợp , biết tên, vị trí phân bố và giá trị của di sản phức hợp. Đối chiếu với lược đồ lược đồ 2.4, để xác định vị trí, địa bàn phân bố của các di sản phức hợp tiêu biểu.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  Các nhóm cử thành viên tham gia cuộc thi  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  HS nhận xét, đánh giá chéo  GV nhận xét, đánh giá chốt kiến thức  Mở rộng : GV tổ chức cho HS trao đổi vấn đề sau:  *Di sản thiên nhiên nhiên và di sản phức hợp có điểm gì giống và khác nhau?* | **4. Di sản phức hợp tiêu biểu**  **4.1.Tìm hiểu về vị trí phân bố.**  - Khái niệm: là địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị đặc biệt ( hay còn gọi Di tích - danh lam thắng cảnh)  - Địa bàn phân bố rộng khắp cả nước. |

**4.2. Tìm hiểu về một số di sản phức hợp tiêu biểu: Quần thẻ danh thắng Tràng An và Quần thể di tích - danh thắng Yên Tử.**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu được nét cơ bản về Quần thẻ danh thắng Tràng An và Quần thể di tích - danh thắng Yên Tử.

b. Nội dung: Gv cho hs tìm hiểu và chuẩn bị ở nhà, đóng vai là nghệ sĩ,, nhà báo giới thiệu về quần thể danh thắng Tràng An, quần thể di tích-danh thắng Yên Tử.

**c. Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp dạy học theo dự án, cho HS làm việc nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 2.16, 2.17 thực hiện các nhiệm vụ ( làm trước ở nhà và báo cáo sản phẩm tại lớp ).  *Nhiệm vụ 1: Đóng vai là nhà văn hóa, nghệ sĩ, nhà báo ....giới thiệu về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và giá trị của Quần thể danh thắng Tràng An?*  *Nhiệm vụ 2: Đóng vai là nhà văn hóa, nghệ sĩ, nhà báo ....giới thiệu về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và giá trị của Quần thể di tích - danh thắng Yên Tử?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS khai thác hình 2.16 và góc em có biết và hình 2.17 và góc khám phá để thấy được giá trị của các di sản phức hợp trên.  HS thảo luận nhóm ở nhà thống nhất cách thức trình bày  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  Các nhóm cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  HS các nhóm nhận xét, đánh giá chéo  GV nhận xét, đánh giá và chốt và nhấn mạnh kiến thức .  *Mở rộng GV tổ chức cho HS thảo luận một số vấn đề sau*  *Làm thế nào để bảo tồn, phát huy và quảng bá lan tỏa được hình ảnh, giá trị của Quần thẻ danh thắng Tràng An và Quần thể di tích - danh thắng Yên Tử?* | **4.Tìm hiểu về di sản phức hợp**  **4.1.Tìm hiểu về vị trí phân bố.**  **4.2. Tìm hiểu về một số di sản thiên nhiên tiêu biểu: Quần thẻ danh thắng Tràng An và Quần thể di tích - danh thắng Yên Tử**  **\*Quần thể danh thắng Tràng An**  - Địa điểm: huyện Hoa Lư - Ninh Bình.  - Lịch sử hình thành:  + là môi trường sống của người tiền sử.  + là kinh đô của các triều đại Đinh - Tiền Lê và buổi đầu của triều Lý.  - Gía trị :  + Tràng An mang những khung cảnh thiên nhiên độc đáo như núi đá, rừng cây, thảm thực vật, đồng lúa, hồ đầm, hang động.  + có giá trị về địa chất, địa mạo “ Bảo tàng địa chất ngoài trời” và sự đa dạng về sinh học.  + chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, lịch sử và kinh tế.  + Năm 2014, được UNESCO ghi nhận là di sản của thế giới về di sản phức hợp.  **\*Quần thể di tích - danh thắng Yên Tử**  - Địa điểm: TP Uông Bí - Quảng Ninh.  - Hình thành:  + Nơi đây đã tạo nên những cảnh quan kì vĩ.  + Từ xưa các tín đồ phật tử đã đến Yên Tử dựng am, tụng kinh cầu Phật.  + Thời Trần đã xây dựng thành khu quần thể kiến trúc chùa tháp quy mô lớn.  + Nơi đây Phật Hoàng Trần Nhân Tông đã sáng lập thiền phái Trúc Lâm.  - Giá trị:  + Có giá trị to lớn về lịch sử, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật, khảo cổ, danh lam thắng cảnh .  + Năm 2012, được xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt. |

**3. Hoạt động luyện tập.**

**a. Mục tiêu**: củng cố được nội dung kiến thức về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

**b. Nội dung**: Hs làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

**c. Tổ chức thực hiện**:

Câu 1. Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa của di sản văn hoá?

1. Lưu giữ giá trị vật chất và tinh thần của cộng đồng.
2. Giáo dục truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ.
3. Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
4. Góp phần chiến thắng ngoại xâm, bảo vệ độc lập.

Câu 2. Ý nào sau đây là nội dung của khái niệm “Di sản văn hoá phi vật thể” ?

1. Sản phẩm tinh thần gắn liến với cộng đồng.
2. Sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử.
3. Các danh lam , thắng cảnh, bảo vật quốc gia.
4. Các di sản văn hoá cố định: di tích, di chỉ khảo cổ.

Câu 3. Ý nào sau đây là nội dung của khái niệm “Di sản văn hoá vật thể” ?

1. Các làn điệu dân ca được truyền miệng từ đời này sang đời khác.
2. Các phong tục, tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội.
3. Di sản văn hoá dưới nước: phế tich, đô thị chím dưới nước.
4. Tri thức và tập quán liên quan đến tự nhiên và vũ trụ.

Câu 4. Ai là người có thẩm quyền quyết định việc xếp hạng di tích cấp quốc gia?

1. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. C. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp huyện.
2. Bộ trưởng Bộ Văn hoá- Thể thao và Du lịch. D. Chủ tịch nước.

Câu 5. Tổ chức nào có trách nhiệm ghi danh các di sản văn hoá tiêu biểu quốc gia vào danh mục di sản thế giới?

1. Liên Hợp quốc. B. UNESCO. C. ASEAN. D. EU.

Câu 6. Việc giữ gìn nguyên dạng gốc của di sản được gọi là

1. Xếp hạng di sản. B. Phát huy giá trị di sản.
2. Phân loại di sản. D. Bảo tồn di sản.

Câu 7. Một trong những cơ sở khoa học của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá là

1. Thực trạng di sản văn hoá. C. Lợi ích kinh tế của di sản.
2. Vị trí địa lí của di sản văn hoá. D. Chủ quyền của quốc gia.

Câu 8. Nội dung nào sau đây là giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá?

1. Cải tạo, nâng cấp, làm mới di sản. C. Hiện đại hoá di sản văn hoá.
2. Cho phép mua bán, trao đổi di vật. D. Giáo dục ý thức bảo vệ di sản.

Câu 9. Nhà nước có trách nhiệm như thế nào trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá?

1. Trực tiếp tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.
2. Giáo dục và nâng cao nhận thức của học sinh về giá trị di sản.
3. Ban hành các văn bản pháp quy về bảo tồn di sản văn hoá.
4. Khai thác, sử dụng di sản văn hoá một cách hợp lí, bền vững.

Câu 10. Di sản văn hoá nào sau đây của Việt Nam đã được UNESCO ghi danh vào danh mục Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại?

1. Nghệ thuật xoè hoa Thái. C. Đô thị cổ Hội An.
2. Hoàng thành Thăng Long. D. Nghệ thuật chèo ở Thái Bình.

**d. Sản phẩm**.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1D | 2A | 3C | 4B | 5B |
| 6D | 7A | 8D | 9C | 10A |

**4. Hoạt động vân dụng:**

**a.Mục tiêu**: HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học trong chuyên đề liên hệ rút ra trách nhiệm của bản thân đối với việc tham gia học tập, nghiên cứu khoa học hiện nay

**b. Nội dung**:GV hướng dẫn HS làm bài tập thực hành ở nhà

**c. Dự kiến sản phẩm:**bài làm của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: *Nếu được chọn là đại diện cho HS Việt Nam giới thiệu về một di sản văn hoá vật thể hoặc phi vật thể nổi tiếng của đất nước với bạn bè quốc tế, em sẽ lựa chọn di sản nào? Vì sao? Tìm hiểu thông tin và giới thiệu về di sản đó theo cách của em (làm bài thuyết trình, xây dựng đoạn phim ngắn, thiết kế đồ hoạ,...).*

- Thời gian thực hiện: 1 tuần.

- Hạn nộp: tiết học tiếp theo của chủ đề.

**CHUYÊN ĐỀ 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

**(Thời lượng 10 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858.

- Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**2. Về năng lực**

- Rèn luyện kĩ năng sưu tầm, khai thác tư liệu trong việc tìm hiểu các vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

- Năng lực phân tích, đánh giá các nhân vật, sự kiện, quá trình lịch sử một cách khoa học, chính xác.

- Năng lực nhận thức những quy luật, bài học lịch sử và vận dụng vào thực tiễn; hình thành, phát triển tư duy lịch sử, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, kĩ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu; nhạn thức và trình bày lịch sử trong lô-gích lịch đại và đồng đại, kết nối quá khứ với hiện tại.

-Nêu được một số điểm chung của các bản hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay vé bối cảnh ra đời của các bản hiến pháp,... từ đó góp phán phát triển năng lực tìm hiếu, khám phá, nhận thức lịch sử cho HS.

**3. Về phẩm chất**

Có ý thức trân trọng lịch sử nhà nước, lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và vận động người khác tuân thủ pháp luật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Một số tư liệu lịch sử tiêu biểu và một số tranh ảnh sưu tầm liên quan đến nội dung bài học như: nhà nước, pháp luật, một số bản hiến pháp Việt Nam, video có nội dung liên quan.

- Máy tính, tivi.

**2. Học sinh**

- SGK, phiếu học tập, giấy A0, bảng phụ....

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dân của giáo viên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động khởi động.**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

**b. Tổ chức thực hiện**.

**Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ: Cho học sinh quan sát hình ảnh Ấn vàng “sắc mệnh chi bảo” thời Minh Mệnh và hình ảnh Quốc huy của nước CHXHCH Việt Nam trả lời câu hỏi:

? Cho biết hình ảnh các em đang xem là bảo vật gì? Giới thiệu vài nét về bảo vật đó?

**Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh quan sát, trả lời câu hỏi.

**Bước 3:** Báo cáo kết quả thực hiện: Một số học sinh trả lời và các học sinh khác nhận xét.

**Bước 4:** Kết luận, nhận định: Gv nhận xét và kết nối vào bài học.

c. Sản phẩm dự kiến:

“Sắc mệnh chi bảo” là biểu tượng cho quyền lực của vua triều Nguyễn trong mô hình nhà nước quân chủ. Quốc huy là một trong những biểu tượng của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Trong lịch sử Việt Nam đã trải qua nhiều mô hình nhà nước khác nhau. Vậy mô hình nhà nước quân chủ VN có đặc điểm gì? Bối cảnh lịch sử, ý nghĩa của sự ra đời Nhà nước VNDCCH là gì? Quốc triều hình luật, Hoàng Việt luật lệ và một số bản hiến pháp đã ban hành trong lịch sử VN có những nội dung chính nào cùng tìm hiểu trong chuyên đề này.

**2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.**

**I.Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858.**

**1.Một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu.**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần.**

**a. Mục tiêu:**Nêu được những nét cơ bản của nhà nước quân chủ. Phân tích được đặc điểm của nhà nước quân chủ thời Lý – Trần. Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý – Trần.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Học sinh nghiên cứu SGK phần***I.1.a.Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần*. HS** nghiên cứu Hình 1-SGK/45, tư liệu 1,2- SGK/46*,* Hình 2-SGK/46 trả lời câu hỏi:  *? Đặc điểm của của mô hình nhà nước quân chủ thời Lý- Trần?*  *? Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý – Trần.*  - Hình thức: Cặp đôi.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xác định và thực hiện nhiệm vụ.  - HS làm việc cá nhân, sau đó ghi vào vở, thảo luận, thống nhất với bạn cùng cặp đôi.  - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.  - Sản phẩm: HS ghi các câu trả lười vào vở.  **Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV gọi đại diện các cặp đôi cặp đôi báo cáo sản phẩm của mình.  - GV tổ chức cho các cặp đôi nhận xét về các sản phẩm được báo cáo.  -GV mở rộng các vấn đề:  ***(1). GV khái quát sự ra đời của nhà Lý – Trần.***  ***(2). Yêu cầu học sinh trả lười câu hỏi: Khai thác các tư liệu 1, 2 giúp em hiểu gì về chính sách cai trị của nhà nước quân chủ thời Lý - Trần?***  **GV gợi ý trả lời:**  - Các tư liệu 1, 2 cho thấy chính sách thân dân, chú trọng đến đời sống nhân dân của nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, cụ thể:  + ***Tư liệu 1*** đề cập đến việc vua Lý Thái Tông cày ruộng tịch điền để làm gương cho dân chúng, đồng thời khuyến khích dân chúng sản xuất.  ***+ Tư liệu 2*** thể hiện việc coi trọng nhân dân lấy việc chăm lo cho dân làm gốc rễ của sự phát triển đất nước.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Sau khi thảo luận, GV cùng HS thống nhất một số nội dung. | **I. Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858.**  **1.Một số mô hình nhà nước quân chủ tiêu biểu.**  **a, Tìm hiểu Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần.**  - Đặc điểm của nhà nước quân chủ thời Lý – Trần: Là mô hình nhà nước quân chủ tập quyền thân dân.  + Vua là người đứng đầu nhà nước, nắm giữ quyền lực tối cao.  + Nhà nước được tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương:  + Thi hành nhiều chính sách "an dân":  - Tổ chức nhà nước thời Lý – Trần:  + Vua đứng đầu nhà nước.  + Ở trung ương: các đại thần, các cơ quan văn phòng, các bộ giúp vua cai quản những công việc của đất nước. Ngoài ra còn một số cơ quan chuyên môn khác.  + Ở địa phương, cả nước được chia thành các lộ, phủ do quý tộc, tôn thất cai quản; dưới phủ là huyện/châu; hương/giáp, thôn/xã. |

**Hoạt động 2. Tìm hiểu Nhà nước quân chủ thời Lê sơ**

**1. Mục tiêu:** HS nêu được những nét cơ bản của tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê sơ. Đánh giá được điểm tiến bộ của bộ máy nhà nước thời kì này so với thời Lý- Trần.

**2. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**:  + GV yêu cầu HS căn cứ vào SGK mục I.1.b Nhà nước quân chủ thời Lê sơ, thực hiện các yêu cầu sau:  *1.Hãy cho biết đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Đại Việt thời Lê sơ?*  *2. Bộ máy nhà nước thời Lê sơ được tổ chức như thế nào?*  *3. So sánh tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê sơ với tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý Trần?*  + Hình thức: nhóm  **Bước 2. Tổ chức thực hiện**  + HS xác định nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ  + HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ, sau đó làm việc nhóm, hoàn thành sản phẩm nhóm.  + GV quan sát, hỗ trợ các nhóm HS  + Sản phẩm: HS ghi chép các câu trả lời vào vở  **Bước 3.Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (20-25 phút)**  + Các nhóm nộp sản phẩm, nhóm được chỉ định trình bày cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.  + GV tổ chức cho HS các nhóm khác nhận xét theo kĩ thuật 3-2-1. (3 điểm khen-2 điểm chê (nếu có) -1 yêu cầu, câu hỏi thắc mắc đề nghị giải đáp)  + GV tổ chức mở rộng, khắc sâu kiến thức ngoài SGK một số nội dung sau:  1. Cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông.  2. Điểm mới và tiến bộ của bộ máy nhà nước thời Lê sơ (nhất là thời Lê Thánh Tông) ở một số điểm như:  -Bỏ chức Tể tướng và một số chức quan trung gian, tăng cường quyền lực cho nhà vua; lập ra lục bộ, lục khoa, lục tự. (GV giải thích)  - Tăng cường việc thanh tra, giám sát hoạt động của các chức quan, các cơ quan, tránh lạm quyền, nâng cao trách nhiệm.  - Việc lập các các Đạo thừa tuyên với 3 ti cai quản; coi trọng cấp xã- xã trưởng.  3. Mở rộng thêm: Chế độ hồi tỵ (anh em họ hàng không cùng làm quan ở 1 địa phương) tuyển dụng quan lại nghiêm, chống tham nhũng. Đây là những biện pháp tổ chức có giá trị là bài học cho tổ chức nhà nước hiện nay.  -Nhận định của nhà nghiên cứu Benzin (Nga) khi nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê: “*có trình độ chuyên môn hoá cao hơn hẳn các nước khác trong khu vực Đông Nam Á, và thậm chí ngay cả phương Tây thời trung cổ cũng không biết đến một chính quyền với các cơ quan chức năng hoàn chỉnh đến như vậy”*  **Bước 1. Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét tinh thần, thái độ làm việc và chất lượng sản phẩm của HS.  + GV cùng thống nhất với HS một số nội dung sau | **b. Nhà nước quân chủ thời Lê sơ**  - Đặc điểm: được tổ chức theo mô hình quân chủ tập quyền quan liêu (tăng cường quyền lực vào tay vua và chính quyền trung ương; nhiều cơ quan chuyên môn được thành lập)  - Tổ chức bộ máy nhà nước: quy củ, hoàn thiện.  + Ở trung ương: vua đứng đầu, tập trung quyền lực.  Giúp việc cho vua là các quan đại thần, đứng đầu các cơ quan (lục bộ, lục khoa, lục tự…)  + Ở địa phương: cả nước chia thành 13 đạo thừa tuyên, mỗi đạo có 3 ti cai quản. Dưới đạo là phủ- huyện (châu)- xã.  -So với bộ máy nhà nước thời Lý – Trần, bộ máy nhà nước thời Lê sơ được tổ chức quy mô và hoàn thiện hơn, cơ cấu quyền lực và chức năng của các cơ quan được quy định cụ thể, rõ ràng. |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu về nhà nước quân chủ thời Nguyễn**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được cấu trúc và đặc điểm của nhà nước quân chủ ở Việt Nam thời Nguyễn.

HS so sánhvớimô hình nhà nước quân chủ thời Lê sơ.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  + HS làm việc cá nhân, nhóm: chia lớp mỗi bàn là 1 nhóm. Các nhóm đọc SGK:  *1/ Nêu cấu trúc mô hình nhà nước quân chủ thời Nguyễn.*  *2/ Nêu đặc điểm của nhà nước quân chủ thời Nguyễn?*  + Thời gian: 12 phút  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân và ghi vào vở, sau đó thảo luận với các bạn cùng nhóm để hoàn thành phiếu học tập, thống nhất câu trả lời theo yêu cầu.  Gv quan sát, hỗ trợ các nhóm.  **Bước 3. Báo cáo kết quả, thảo luận:**  Gv cho đại diện của 2-3 nhóm báo cáo sản phẩm, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định:**  -Giáo viên mở rộng giới thiệu về những cải cách của vua Minh Mệnh (1831-1832).  - Phân tích ý nghĩa những cải cách của vua Minh Mệnh.  - Phân tích sự khác biệt của mô hình nhà nước thời Nguyễn với thời Lê sơ. | **c. Nhà nước quân chủ thời Nguyễn.**  \* Cấu trúc:- sơ đồ sgk.  \* Đặc điểm:  - Là nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền cao độ.  - Vua trực tiếp điều hành bộ máy chính quyền với sự tham mưu của Nội các và Cơ mật viện.  - Năm 1832, vua Minh Mệnh chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên.  - Khoa cử là hình thức tuyển chọn quan lại chủ yếu. |

**2. Một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858.**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu bộ Quốc triều hình luật**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được cấu trúc và nội dung cơ bàn của bộ luật Quốc triều hình luật

- Đánh giá được những điểm tích cực và hạn chế của bộ luật Quốc triều hình luật

**b.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao PHT – *Bảng so sánh hai bộ luật Quốc triều hình luật và Hoàng Việt Luật lệ* cho HS   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Quốc triều hình luật** | **Hoàng Việt luật lệ** | | **Triều đại** |  |  | | **Tên gọi** |  |  | | **Cấu trúc** |  |  | | **Nội dung chính** |  |  | | **Tích cực** |  |  | | **Hạn chế** |  |  | | **Vai trò** |  |  |   - Học sinh nghiên cứu SGK phần***I.2.a.Quốc triều hình luật*.** HSnghiên cứu Hình 7-SGK/49, tư liệu 3,4-SGK/49*,* tìm hiểu các nội dung sau:  + Bộ luật Quốc triều hình luật ra đời vào thời kì nào trong lịch sử? Bộ luật này còn có các tên gọi nào khác?  + Trình bày cấu trúc của bộ luật Quốc triều hình luật?  + Thông qua tư liệu 3, 4-SGK/49, nêu và phân tích những nội dung cơ bản cùa bộ Quốc triều hình luật?  - Hình thức: Cặp đôi.  **- Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xác định và thực hiện nhiệm vụ.  - HS làm việc cá nhân, sau đó ghi vào PHT, thảo luận, thống nhất với bạn cùng cặp đôi.  - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.  - Sản phẩm: HS ghi các câu trả lời vào PHT.  **- Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV gọi đại diện 2 cặp đôi cặp đôi báo cáo sản phẩm của mình.  - GV tổ chức cho các cặp đôi khác nhận xét về các sản phẩm được báo cáo.  - GV mở rộng vấn đề:  (1) *Thông qua các tư liệu 3,4-SGK/49, đánh giá điểm tích cực và hạn chế của bộ Quốc triều hình luật?*  (2) Rút ra vai trò của bộ luật Quốc triều hình luật?  **GV gợi ý trả lời:**  ***(1).***  + ***Tư liệu 3*** nói về những hình phạt áp dụng đối với những người làm sai, chậm, hư hại,... các công trình liên quan đến vua như thuyền, đường, cung điện,... Qua đây có thế thấy rõ một trong những nội dung quan trọng của Quốc triều hình luật là bảo vệ lợi ích, đặc quyền, đặc lợi của vua nói riêng và tầng lớp quý tộc nói chung. Điểm tích cực là những điều khoản này giúp bảo vệ trật tự xã hội phong kiến lúc bấy giờ. Điểm hạn chế là chúng thể hiện rõ sự bất bình đẳng trong xã hội, hình phạt đưa ra cho người vi phạm thường rất nặng như “lưu đày châu xa”, phạt đánh 60 trượng,…  ***+ Tư liệu 4*** đề cập đến một số điều khoản bảo vệ quyền lợi người phụ nữ trong xã hội phong kiến, như: quyển được chia tài sản, thừa kế hương hoả, phân chia tài sản khi li hôn,... Đây là những điều luật rất tiến bộ trong bối cảnh xã hội thời phong kiến, thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN là coi trọng phụ nữ, tính đạo đức, nhân văn và tư tưởng tiến bộ đó đang được kế thừa trong luật pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay.  ***(2).***  Bộ Quốc triều hình luật là cơ sở để triều Lê sơ quản lí và cai trị đất nước.  **- Bước 4. Kết luận, nhận định**  Sau khi thảo luận, GV đánh giá kết quả thực hiện hoạt động và cùng HS thống nhất một số nội dung ghi vào cột Quốc triều hình luật của PHT. | **2. Một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858**  **a, Quốc triều hình luật**  *Bảng so sánh hai bộ luật Quốc triều hình luật và Hoàng Việt Luật lệ*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Quốc triều hình luật** | **Hoàng Việt luật lệ** | | **Triều đại** | Thời Lê sơ  (Khởi thảo: Lê Thái Tổ  Hoàn chỉnh: Lê Thánh Tông) |  | | **Tên gọi** | Quốc triều hình luật, Lê triều hình luật, luật Hồng Đức |  | | **Cấu trúc** | 13 chương, 722 điều, quy định về nhiều lĩnh vực khác nhau: hình sự, dân sự, hôn nhân, gia đình,... |  | | **Nội dung chính** | Bảo vệ lợi ích, đặc quyền, đặc lợi của giai cấp thống trị (vua, hoàng tộc, quan lại và địa chủ) |  | | **Tích cực** | Bảo vệ trật tự xã hội phong kiến.  Có nhiều nội dung tiến bộ, nhân văn, đề cao giá trị đạo đức, chú ý phần nào tới quyền lợi người phụ nữ,… |  | | **Hạn chế** | Nhiều hình phạt nặng, bất bình đẳng,… |  | | **Vai trò** | Là cơ sở để triều Lê sơ quản lí và cai trị đất nước |  | |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu bộ Hoàng Việt luật lệ**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được cấu trúc và nội dung cơ bàn của bộ luật Hoàng Việt luật lệ

- Đánh giá được những điểm tích cực và hạn chế của bộ luật Hoàng Việt luật lệ

- Rút ra được những điểm chung của hai bộ luật thời phong kiến.=

**b.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Học sinh nghiên cứu SGK phần***I.2.b.Hoàng Việt luật lệ*.** HSnghiên cứu Hình 8-SGK/50, tư liệu 5,6-SGK/50*,* mục Em có biết-SGK/50 tìm hiểu các nội dung sau:  + Bộ luật Hoàng Việt luật lệ ra đời vào thời kì nào trong lịch sử? Bộ luật này còn có các tên gọi nào khác?  + Trình bày cấu trúc của bộ luật Hoàng Việt luật lệ?  + Thông qua tư liệu 5,6-SGK/50*,* mục Em có biết-SGK/50, nêu và phân tích những nội dung cơ bản của bộ Hoàng Việt luật lệ?  - Hình thức: Cặp đôi.  - Thời gian: 10 -15 phút.  **- Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xác định và thực hiện nhiệm vụ.  - HS làm việc cá nhân, sau đó ghi vào PHT, thảo luận, thống nhất với bạn cùng cặp đôi.  - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.  - Sản phẩm: HS ghi các câu trả lời vào PHT.  **- Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV gọi đại diện 2 cặp đôi cặp đôi báo cáo sản phẩm của mình.  - GV tổ chức cho các cặp đôi khác nhận xét về các sản phẩm được báo cáo.  - GV mở rộng vấn đề:  (1) *Thông qua các tư liệu* 5,6-SGK/50*,* mục Em có biết-SGK/50*, đánh giá điểm tích cực và hạn chế của bộ Quốc triều hình luật?*  (2) Rút ra vai trò của bộ luật Quốc triều hình luật?  (3) Rút ra những điểm chung của hai bộ luật Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ?  **GV gợi ý trả lời:**  ***(1).***  + ***Tư liệu 5*** nói vềviệc quy định xử phạt rất nặng đối với những người phạm tội phản nghịch (đối với nhà vua và triều đình), đó là tội chết, không kể là chủ mưu hay đồng phạm. Ngoài ra, gia đình của kẻ phạm tội sẽ bị giáng xuống làm nô tì, toàn bộ tài sản bị sung công. Điều luật này cho thấy sự nghiêm khắc của Luật Gia Long, vừa mang tính chất bảo vệ chế độ, đồng thời cũng chính là bảo vệ cho quyền lợi của giai cấp thống trị.  ***+ Tư liệu 6*** đề cập đến những điều luật nhằm bảo vệ cho các đổi tượng yếu thế trong xã hội như: người cao tuổi, người bị tàn tật,... Đó là, nếu quan lại dùng hình với các đối tượng trên trong khi tra khảo sẽ bị triều đình xử tội. Như vậy, ngoài việc có nhiều điểu khoản nhằm bào vệ quyển lợi cùa giai cấp thống trị thì bộ Luật Gia Long cũng thể hiện những điềm tiến bộ với một số điểu khoản quy định về việc bảo vệ người già, phụ nữ, trẻ em,...  + Mục ***Em có biết*** đề cập đến năm loại hình phạt chính được quy định trong các bộ luật thời quân chủ. Tất cả các hình phạt này đều rất nặng nề.  + Ngoài ra, bộ Hoàng Việt luật lệ tham khảo khá nhiều luật của nhà Thanh (Trung Quốc), thể hiện rõ tính chuyên chế của nhà nước quân chủ, nhưng tích cực hơn ở chỗ không giữ lại những hình phạt quá nặng nề như tru di tam tộc hay lăng trì,…  ***(2).***  Bộ Hoàng Việt luật lệ là cơ sở để triều Nguyễn quản lí đất nước, ổn định trật tự xã hội.  ***(3).***  Những điểm chung:  + Đều được ban hành trong bối cảnh nhà nước phong kiến Quân chủ chuyên chế, nên nội dung chủ yếu là tập trung bảo vệ chế độ quân chủ, quyền lực và quyền lợi của giai cấp thống trị.  + Đều mang những hạn chế chung của pháp luật thời quân chủ (ví dụ: thiên về hình sự, nhiều hình phạt nặng, tính bất bình đẳng cao,...).  + Đều thể hiện những tiến bộ về mặt kĩ thuật lập pháp: Các điều luật được sắp xếp theo từng lĩnh vực, hầu hết các quy phạm pháp luật đều gồm 3 thành phần cơ bản là giả định, quy định và chế tài. Đây là cơ sở để hình thành nên các bộ luật mới trong tiến trình tiếp theo của lịch sử dân tộc.  **- Bước 4. Kết luận, nhận định**  Sau khi thảo luận, GV đánh giá kết quả thực hiện hoạt động và cùng HS thống nhất một số nội dung ghi vào cột Hoàng Việt luật lệ trong PHT, hoàn thiện PHT. | **b. Hoàng Việt luật lệ**  *Bảng so sánh hai bộ luật Quốc triều hình luật và Hoàng Việt Luật lệ*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Quốc triều hình luật** | **Hoàng Việt luật lệ** | | **Triều đại** | Thời Lê sơ  (Khởi thảo: Lê Thái Tổ  Hoàn chỉnh: Lê Thánh Tông) | Thời Nguyễn  (Gia Long) | | **Tên gọi** | Quốc triều hình luật, Lê triều hình luật, luật Hồng Đức | Hoàng triều luật lệ, Nguyễn triều hình luật, luật Gia Long | | **Cấu trúc** | 13 chương, 722 điều, quy định về nhiều lĩnh vực khác nhau: hình sự, dân sự, hôn nhân, gia đình,... | 22 quyển, 398 điều, chia làm 6 thể loại, tương ứng với sáu bộ. | | **Nội dung chính** | Bảo vệ lợi ích, đặc quyền, đặc lợi của giai cấp thống trị (vua, hoàng tộc, quan lại và địa chủ). | Tổng hợp, quy định và điều chỉnh hầu hết các quan hệ xã hội thời đó, tập trung bảo vệ quyền lực và quyền lợi của giai cấp thống trị. | | **Tích cực** | Bảo vệ trật tự xã hội phong kiến.  Có nhiều nội dung tiến bộ, nhân văn, đề cao giá trị đạo đức, chú ý phần nào tới quyền lợi người phụ nữ,… | Bảo vệ trật tự xã hội phong kiến.  Có nhiều nội dung tiến bộ, bảo vệ người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật,… | | **Hạn chế** | Nhiều hình phạt nặng, bất bình đẳng | Nhiều hình phạt nặng, bất bình đẳng | | **Vai trò** | Là cơ sở để triều Lê sơ quản lí và cai trị đất nước | Là cơ sở để triều Nguyễn quản lí đất nước, ổn định trật tự xã hội. | |

**II. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945-1976).**

**Hoạt động 1. Sự ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được bối cảnh ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945-1976).

- Nêu được ý nghĩa của việc ra đời nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945-1976).

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1***:* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và khai thác sách giáo khoa  *- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong bối cảnh lịch sử nào (thế giới và trong nước)?*  *- Sự ra đời đó có ý nghĩa gì đối với lịch sử dân tộc Việt Nam?*  **Bước 2***:* HS đọc SGK, trao đổi cặp đôi, thống nhất ý kiến ghi vở  **Bước 3***:* Đại diện cặp đôi học sinh báo cáo sản phẩm.  **Bước 4***:* HS khác bổ sung, GV nhận xét, đánh giá, chốt | **1. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945-1976)**  **a. Bối cảnh ra đời**  - Thế giới: 15/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện, tạo điều kiện thuận lợi cho một số nước thuộc địa giành độc lập (trong đó có Việt Nam).  - Trong nước  + 8/1945, quân đội Nhật và chính quyền thân Nhật hoang mang, tê liệt, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã diễn ra trên phạm vi cả nước và giành thắng lợi.  +2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.  **b. Ý nghĩa lịch sử**  - Là bước ngoặt lịch sử của dân tộc, lật đổ ách thống trị của Pháp, Nhật, chế độ quân chủ, mở đầu chế độ dân chủ tiến bộ ở Việt Nam.  - Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, Phi và Mỹ Latinh. |

**Hoạt động 2. Tìm hiểu về đặc điểm, tính chất và vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa**

**a. Mục tiêu**

- Phân tích được đặc điểm và tính chất của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

- Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong quá trình kháng chiến chống ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kì 1945-1976

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kiến thức cơ bản** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau  \* Nhóm 1, 2 đọc SGK trang 51, Tư liệu 7,8 trang 52 kết hợp quan sát hình ảnh 3,4,5,6, để trả lời các câu hỏi sau:  *? Nêu đặc điểm, tính chất và vai trò của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học**  - HS căn cứ yêu cầu của GV, làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thiện sản phẩm trên giấy A0  - GV theo dõi, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm treo sản phẩm trên bảng  - GV gọi đại diện 2 nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm  - HS sẽ theo dõi phần trình bày của các nhóm và đặt câu hỏi.  - HS sẽ đánh giá dựa vào bảng Rubric (Hình thức, bố cục, nội dung, trình bày)- để chọn ra sản phẩm tốt nhất (đẹp và hình thức, đúng và đủ về nội dung).  **Bước 4: Đánh giá sản phẩm, kết luận**  - GV cùng HS đánh giá chung sản phẩm của các nhóm (giấy A0), đánh giá về tinh thần, thái độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.(sử dụng thang đo: Rubric)  - GV cùng HS thống nhất một số nội dung của bài. | **c. Đặc điểm và tính chất**  \* Đặc điểm:  - Là nhà nước theo chế đọ dân chủ cộng hòa  - Quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước thuộc về Quốc hội- cơ quan do toàn dân bầu ra  \* Tính chất  - Là nhà nước dân chủ kiểu mới, của dân, do dân và vì dân  **d. Vai trò của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa**  \* 1945-1976, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thực hiện vai trò tổ chức kháng chiến chống ngoại xâm và xây dựng đất nước  - 1945-1946: xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.  - 1946-1954: cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi  - 1954-1975: tổ chức kháng chiến chống Mĩ thắng lợi  + Miền Bắc: xây dựng chủ nghĩa xã hội, là hậu phương đối với sự nghiệp cách mạng cả nước.  + Miền Nam: kháng chiến chống đế quốc Mĩ, là tiền tuyến đối với sự nghiệp thống nhất đất nước  - 1975-1976: hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. |

**ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY (A0)**

Nhóm thực hiện:……………………………………………..Ngày:……………..

Nhóm đánh giá:………………………………………………………………......

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **TIÊU CHÍ** | **ĐIỂM** | **ĐÁNH GIÁ CỦA NHÓM BẠN** | **ĐÁNH GIẤ CỦA GV** |
| Hình thức | - Thiết kế sáng tạo, màu sắc trang nhã, sáng sủa  - Nhất quán trong cách trình bày, tiêu đề và nội dung | 1  1 |  |  |
| Bố cục | - Tiêu đề rõ ràng, trình bày khoa học  - Thông tin chọn lọc, hợp lý. | 1  1 |  |  |
| Nội dung | - Sử dụng thông tin chính xác, thể hiện được các kiến thức cơ bản, có chọn lọc.  - Có sự liên hệ, mở rộng kiến thức | 2  1 |  |  |
| Trình bày của học sinh | - Trình bày rõ ràng, mạch lạc, có điểm nhấn, thu hút người nghe  - Trả lời được hết các câu hỏi thêm từ phía giáo viên hoặc bạn học  - Duy trì được giao tiếp bằng mắt, xử lý tình huống linh hoạt.  - Tác phong tự tin, chủ động. | 1  1  0,5  0,5 |  |  |
| **Tổngđiểm** | | 10 |  |  |

**Phụ lục 2**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÓM**

**Nhóm………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Nhiệt tình, hiệu quả cao** | **Nhiệt tình** | **Bình thường** | **Chưa nhiệt tình** | **Điểm** | |
| **Nhóm đánh giá** | **GV đánh giá** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** |  |  |  |  |  |  |  |
| **9** |  |  |  |  |  |  |  |
| **10** |  |  |  |  |  |  |  |

Nhiệt tình, hiệu quả cao: 8- 10 đ

Nhiệt tình: 7 - 8 đ

Bình thường: 5 – 6 đ

Chưa nhiệt tình:< 5 đ

**III. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 1976 đến nay.**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu sự ra đời nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** Nêu được hoản cảnh ra đời nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ đó biết được lí do phải tiến hành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. Đồng thời hiểu được ý nghĩa của sự thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *-* **Bước 1***:* Chuyển giao nhiệm vụ cho HS: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và khai thác sách giáo khoa  *? Nêu bối cảnh ra đời nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?*  *? Cho biết sự ra đời nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có ý nghĩa như thế nào đối với lịch sử dân tộc?*  *-* **Bước 2***:* HS đọc SGK, trao đổi cặp đôi, thống nhất ý kiến ghi vở  *-* **Bước 3***:* Đại diện cặp đôi học sinh báo cáo sản phẩm.  **- Bước 4***:* HS khác bổ sung, GV nhận xét, đánh giá, chốt | **1. Sự ra đời nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  **\* Bối cảnh ra đời**  - Sau sự kiện 30-4-1975, Việt Nam mới thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ, mỗi miền còn tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.  - Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử lần thứ hai được tổ chức trong cả nước để bầu quốc hội khóa VI.  - Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI đổi tên nước thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu các chức vụ lãnh đạo cao nhất của nhà nước.  **\*Ý nghĩa**  **-** Đánh dấu việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước  - Tạo tiền đề thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới. |

Hoạt động 2: Tìm hiểu về Vai trò của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế

**a. Mục tiêu:** Học sinh nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đối với nông nghiệp, công nghiệp và hội nhập quốc tế

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **+ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Gv cho hs xem phim tư liệu về thành tựu của Việt Nam trong công cuộc đổi mới.  - Yêu cầu hs xem phim, quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong sách giáo khoa tr 54,55 sách chuyên đề học tập lịch sử và những hình ảnh, tư liệu sau để hoàn thành phiếu học tập:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Lĩnh vực* | *Vai trò của Nhà nước* | *Kết quả, ý nghĩa* | | *Nông nghiệp* |  |  | | *Công nghiệp và dich vụ* |  |  | | *Hội nhập quốc tế* |  |  |   **-Bước 2***:*GV hướng dẫn học sinh sử dụng các tư liệu, hình ảnh lịch sử để hoàn thành phiếu học tập theo nội dung: Lĩnh vực, thành tựu. Trong hoạt động này giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân. Trong quá trình học sinh làm việc, GV chú ý đến các học sinh để có thể gợi ý hoặc trợ giúp học sinh khi các em gặp khó khăn.  **- Bước 3***:* Đại diện học sinh trả lời và góp ý.  **- Bước 4***:* Giáo viên nhận xét kết quả làm việc của từng học sinh; sau đó nhận xét kết quả làm việc của cả lớp, sau đó chốt ý và kết luận: | **2. Vai trò của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tê**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lĩnh vực | Vai trò của Nhà nước | Kết quả, ý nghĩa | | Nông nghiệp | -Giao khoán đất nông nghiệp:  - Khuyến khích ứng dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất | Giải quyết được nhu cầu lương thực trong nước và trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới | | Công nghiệp và dich vụ | -Cho phép phát triển kinh tế tư nhân.  -Khuyến khích đầu tư nước ngoài  -Ban hành nhiều bộ luật nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế | Hình thành và phát triển nhiều loại hình doanh nghiệp từ nhỏ, vừa đến lớn | | Hội nhập quốc tế | -Năm 1995 gia nhập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ( ASEAN) và bình thường hóa quan hệ với Hoa Kì  -Năm 1998 tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC).  -Năm 2006 gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO)  +Năm 2019 kí hiệp định thương mại tự do với liên minh châu Âu (EU) | -Góp phần quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước  -Khẳng định, nâng cao vị thế Việt nam trong khu vực và trên thế giới | |

**IV. Một số bản Hiến pháp của Việt Nam từ 1976 đến nay.**

**Hoạt động 1. Sự ra đời của các bản Hiến pháp từ năm 1946 đến nay.**

**a.Mục tiêu:** Nêu được hoàn cảnh ra đời của các bản Hiến pháp của Việt Nam từ năm 1946 đến nay.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ.**  Yêu cầu học sinh đọc sgk, tham khảo vi deo trình chiếu về hoàn cảnh ra đời của một số bản Hiến pháp và trả lời câu hỏi:  *? Nêu hoàn cảnh ra đời của các bản Hiến pháp của Việt Nam từ năm 1946 đến nay?*  **Bước 2. Hs thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi.**  **Bước 3. Báo cáo kết quả.**   * Một số cặp đôi báo cáo kết quả. * Các hs khác nhận xét bổ sung.   **Bước 4. Đánh giá, nhận xét.**  -Gv nhận xét, đánh giá và chốt ý. | **1. Sự ra đời của các bản Hiến pháp từ năm 1946 đến nay.**  - Việt Nam đã ban hành 5 bản Hiến pháp: 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013.  + Bản Hiến pháp đầu tiên ban hành sau thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945.  + Bản Hiến pháp thứ 2 (1959) ban hành trong bối cảnh miền Bắc đã được giải phóng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp thúc đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.  + Bản Hiến pháp thứ 3 (1980), ban hành trong bối cảnh miền Nam đã được giải phóng, đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.  + Bản Hiến pháp thứ 4 (1992), ra đời trong bối cảnh đất nước bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới đi lên CNXH.  + Bản Hiến pháp thứ 5 (2013) ra đời trong hoàn cảnh Việt Nam có nhiều biến đổi về kinh tế, xã hội. Đây là bản Hiến pháp của thời kì đổi mới toàn diện đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. |

**Hoạt động 2. Một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam.**

**a.Mục tiêu:** Nêu được những điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam.

b.Tổc chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Sản phẩm dự kiến |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Học sinh đọc sgk, tư liệu trả lời câu hỏi  *?Nêu một số điểm chính của các bản hiến pháp.Lấy ví dụ minh họa.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: Học sinh tiến hành làm việc cá nhân và cặp đôi để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  GV yêu cầu các cặp đôi trả lời các câu hỏi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận và nhận định** | **2. Một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam.**  - Xác định những vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của đất nước: chế độ chính trị, bản chất nhà nước, tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước, quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân, chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội…  - Thể hiện những quan điểm, đường lối, chủ trương của đảng Cộng sản Việt Nam đối với từng giai đoạn phát triển của đất nước, thể hiện tính dân chủ và quyền lực của nhân dân. |

**Hoạt động 3. Một số bản hiến pháp tiêu biểu.**

**a.Mục tiêu:** Nêu được một số nội dung chính và phân tích ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946, một số nét chính của bản hiến pháp năm 1992 và phân tích một số nét mới của Hiến pháp năm 2013.

**b. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**:  -GV trình chiếu để học sinh thấy hình ảnh và đọc một số nội dung của hiến pháp 1946, 1992,2013.  -Hs chia nhóm tìm hiểu các vấn đề sau:  *? Nêu một số nội dung chính và phân tích ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946?*  *? Nêu một số nét chính của bản hiến pháp năm 1992?*  *? Phân tích một số nét mới của Hiến pháp năm 2013?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -Hs tìm hiểu, thống nhất ý kiến, hoàn thành vào giấy A0.  **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:**  -Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác phản biện, đóng góp ý kiến bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá nhận xét.**  Gv nhận xét, đánh giá và chốt ý. | **3. Một số bản hiến pháp tiêu biểu.**  **\* Hiến pháp 1946.**  + Nội dung chính:   * Ghi nhận thành quả vĩ đại của nhân dân Việt Nam trong cuộc cách mạng tháng Tám 1945. * [Quy định chính thể của Việt Nam là một nước Dân chủ Cộng hòa; Quy đjnh các quyền và](https://blogtailieu.com/bo-60-tro-choi-power-point/) nghĩa vụ của công dân. * Quy định về tổ chức bộ máy nhà nước.   + Ý nghĩa:   * Đây là bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và cũng là bản hiến pháp dân chù và tiến bộ nhất lúc bấy giờ ở Đông Nam Á. * khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ cùa nước ta. * đặt nền móng cho việc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.   **\*Hiến pháp năm 1992.**   * Quy định cụ thể về chế độ chính trị, cơ cấu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước... * Về chế độ chính trị: Nước CHXHCN Việt Nam là một nước độc lập có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. * Về chế độ kinh tế: Nhà nước thống nhất quản lí và mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại, phát triển các hình thức quan hệ kinh tế với mọi quốc gia...   **\*Hiến pháp năm 2013.**  - Có nhiều điểm mới thể hiện sự tiến bộ:  + Tư tưởng dân chủ được cụ thể hoá bằng quyền làm chủ của người dân về mọi mặt, nghiêm trị các hành động xâm phạm lợi ích của nhân dân.  + cơ cấu nhà nước xác định rõ tính phân quyền giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp.  + kĩ thuật lập hiến: cấu trúc chặt chẽ gồm 11 chương 120 điều, diễn đạt rõ ràng, minh bạch. |

**3. Hoạt động luyện tập.**

**a. Mục tiêu**: Củng cố kiến thức đã hình thành.

**b. Tổ chức thực hiện:**

- Gv phát đề , hs làm bài nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm.

Câu 1. Mô hình nhà nước quân chủ thời Nguyễn xuất hiện ở thời gian nào?

A. Thế kỉ XIB. Thế kỉ XVC. Thế kỉ XVID. Thế kỉ XIX

Câu 2.Tính quân chủ được tăng cường vào thời Nguyễn được thể hiện rõ ở yếu tố

A. quyền lực của trung ương gia tăngB. quyền lực của hoàng đế gia tăng

C. thẩm quyền của địa phương giảmD. thẩm quyền của cấp tỉnh yếu

Câu 3. Cấu trúc của mô hình nhà nước quân chủ thời Nguyễn có điểm mới là

A. lập ra các cơ quan giám sátB. bỏ các bộ phận trung gian ở cấp trung ương

C. lập ra cấp tỉnh ở địa phươngD. pháp luật nghiêm khắc

Câu 4. Các cơ quan văn phòng, hành chính, giám sát giúp việc cho vua đều được

A. tăng bổng lộcB. tăng quyền hành

C. giảm quyền hànhD. giảm bổng lộc

Câu 5. Điểm tích cực được kế thừa và phát huy của bộ máy quân chủ thời Nguyễn từ triều đại trước đó là:

A. tính thống nhất và chặt chẽB. tính chuyên chế, hà khắc

C. tính đoàn kếtD. tính nhân dân

Câu 6: Dưới thời phong kiến quân chủ chuyên chế ở nước ta, luật pháp được ban hành chủ yếu bảo vệ cho quyền lợi của đối tượng nào?

A. Toàn thể nhân dânB. Vua, hoàng tộc, quan lại và địa chủ

C. Nông dân, thợ thủ công.D. Phụ nữ, trẻ em.

Câu 7: Luật Hồng Đức được ban hành dưới triều đại vua nào sau đây?

A.Lê Đại Hành. B. Lê Thánh Tông.

C.Lý Thành Tông. D. Trần Thành Tông.

Câu 8: Hoàng Việt luật lệ là bộ luật được ban hành dưới triều đại nào?

A. Nhà LýB. Nhà TrầnC. Nhà Lê sơD. Nhà Nguyễn

Câu 9: Cho bảng sau

|  |  |
| --- | --- |
| 1. bộ luật | B- tên khác |
| 1. Quốc triều hình luật | a. Luật Gia Long |
| 2. Hoàng Việt luật lệ | b. Lê triều hình luật |
|  | c. Hoàng triều luật lệ |
|  | d. Luật Hồng Đức |
|  | e. Nguyễn triều hình luật |

Nối dữ liệu ở cột A – bộ luật với cột B – tên khác cho phù hợp.

1. 1-b,d; 2-a,c,e C. 1-a,b; 2-c,d,e
2. 1-b,c; 2-a,d,e D. 1-c,e; 2-a,b,d

Câu 10: Vai trò chủ yếu của luật pháp trong thời kì phong kiến là?

A.Là cơ sở để quản lí và cai trị đất nước, ổn định trật tự xã hội

B.Là công cụ để bảo vệ quyền lợi cho giai cấp thống trị

C.Là biện pháp thể hiện quyền uy của nhà vua

D.Là chỗ dựa cho nhân dân.

Câu 11. nối cột A với cột B sao cho phù hợp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A |  | B |
| 1.30/4/1975 | a.Đổi tên nước thành CHXHCN Việt Nam |
| 2.25/4/1976 | b. Tổng tuyển cử bầu quốc hội khóa VI |
| 3.2/7/1976 | c.Đất nước bước vào thời kì đổi mới |
| 4.1986 | d. Gia nhập ASEAN |
| 5.1995 | E.Kí hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu (EU) |
| 6.1998 | g. Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước |
| 7.2006 | k. Gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO |
| 8. 2019 | m. tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC) |

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**

- HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao.

**b. Tổ chức thực hiện**

Ngoài giờ lên lớp.

**-** Hình thức tổ chức**:** Cá nhân.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

1. Liên hệ thực tế, tìm hiểu vai trò của nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa trong giai đoạn hiện nay?
2. Tìm hiểu về Đại hôi Đảng lần thứ VI 1986. Đại hội này có ý nghĩa như thế nào đối với đất nước ta
3. Tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển hệ thống Pháp Luật Việt Nam thông qua bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Thời gian | Tên bộ luật | Khái quát |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

1. Theo em, nhà nước ta nên học hỏi những chính sách tiến bộ nào từ cách tổ chức bộ máy nhà nước của thời Lê sơ để kiện toàn và làm trong sạch bộ máy nhà nước hiện nay?
2. Hoàn thành các bài tập cuối chuyên đề trang 52.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS về nhà tìm hiểu, sưu tầm được những tư liệu, hình ảnh và hoàn thành các bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi vào tiết học kế tiếp.

**Bước 4: Kết luận nhận định**

GV đánh giá, nhận xét chung về sản phẩm của học sinh trước khi vào tiết học tiếp theo.